LD VIỆT – NGA VIETSOVPETRO
XÍ NGHIỆP KHOAN & SỬA GIẾNG
СП «ВЬЕТСОВПЕТРО»
ПБиКРС

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
СРВ
Независимость - Свобода - Счастье

Số: 031/2025/HSMT

THỎA THUẬN
"СОГЛАСОВАНО"
Phó Giám Đốc thứ nhất XNK&SG
Первый зам. директора

Signed by: Гундорин Дмитрий Юрьевич
Date: 30.06.2025 12:21:51
Certified by: Vietsovpetro CA

Гундорин Дмитрий Юрьевич

PHÊ DUYỆT
"УТВЕРЖДАЮ"
Giám đốc XNK&SG
Директор ПБиКРС

Signed by: Nguyễn Văn Xá
Date: 03/07/2025 10:33:11
Certified by: Vietsovpetro CA

Nguyễn Văn Xá/ Нгуен Ван Са

THỎA THUẬN
"СОГЛАСОВАНО"
Phó Giám Đốc TM-DV-NC XNK&SG
зам. Директора ПБиКРС

Signed by: Phạm Sỹ Hoàn
Date: 30/06/2025 16:45:29
Certified by: Vietsovpetro CA

Phạm Sỹ Hoàn/ Фам Ши Хоан

HỒ SƠ MỜI THẦU

Документы приглашения на тендер

Gói thầu*:* Dịch vụ nhân công cho công tác thi công giếng khoan Lô 09-1

На приобретение товара: Приобретение аутсорсинговых услуг для строительства скважин блока 09-1

Loại gói thầu: Phi tư vấn

Вид тендерного пакета: неконс.услуг

Số hiệu gói thầu: DV-2047/25-KB-TTH

Номер тендерного пакета: DV-2047/25-KB-TTH

Quy chế áp dụng/ *Применяется Положению*:

- Quy chế về thể thức mua sắm hàng hóa và thuê dịch vụ để đảm bảo tính liên tục cho sản xuất và duy trì hoạt động thường xuyên của Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro, số VSP-000-TM-238, phiên bản 02, hiệu lực từ ngày 01/01/2025.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Положение о порядке приобретения товаров и услуг для обеспечения непрерывности хозяйственно-производственной деятельности и поддержания постоянной работы СП «вьетсовпетро» № VSP-000-TM- 238, Версия 02, Дата вступления в действие 01.01.2025г.

I. DANH MỤC HỒ SƠ MỜI THẦU TRÌNH PHÊ DUYỆT/ *СОДЕРЖАНИЕ ДОКУМЕНТОВ ПРИГЛАШЕНИЯ НА ТЕНДЕР*

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU/ *Часть 1. Тендерная процедура*

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu/ *Глава I. Инструкция для тендера*.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu/ *Глава II. Данная таблица для тендера*.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT/ *Глава III. Критерии оценки тендерных предложений*.

Chương IV. Biểu mẫu dự thầu/ *Глава IV. Тендерные формы*.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT/ *Часть 2. Технические требования*

Chương V. Yêu cầu kỹ thuật */ Глава V. Технические требования*.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG/ *Часть 3. Условия контракта и Образец контракта*

Phần 4. CÁC PHỤ LỤC/ *Часть 4. Приложении*

II. DANH MỤC TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐÍNH KÈM:

1. Đơn hàng số DV-2047/25-KB-TTH ban hành ngày 26/06/2025.

   Заявка №: DV-2047/25-KB-TTH, Дата издания: 26.06.2025г

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu số 031/2025/KHLCNT.

Tổ chuyên gia/ *Группа экспертов*:

Signed by: Tạ Xuân Trường
Date: 27/06/2025 18:01:01
Certified by: Vietsovpetro CA

Tổ trưởng Tổ chuyên gia:
Начальник группы экспетров

Tổ phó Tổ chuyên gia phụ trách kỹ thuật:
Заместитель начальника группы экспертов по тех. вопросам

Signed by: Nguyễn Đức Tiến
Date: 28/06/2025 13:16:10
Certified by: Vietsovpetro CA

Thành viên phụ trách kỹ thuật:
Член группы экспертов по тех

Signed by: Đỗ Thu Trang
Date: 27/06/2025 17:03:47
Certified by: Vietsovpetro CA

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Thành viên phụ trách kỹ thuật:
Член группы экспертов по тех

Signed by: Lê Thị Thủy
Date: 27/06/2025 17:18:18
Certified by: Vietsovpetro CA

Thành viên phụ trách kỹ thuật:
Член группы экспертов по тех

Signed by: Nguyễn Văn Hải
Date: 27/06/2025 17:01:51
Certified by: Vietsovpetro CA

Thành viên phụ trách thương mại:
Член группы экспертов по коммерческим вопросам

Signed by: Lê Thúy Nga
Date: 27/06/2025 16:43:55
Certified by: Vietsovpetro CA

Thành viên phụ trách thương mại:
Член группы экспертов по коммерческим вопросам

Signed by: Trần Hương Giang
Date: 27/06/2025 16:40:11
Certified by: Vietsovpetro CA

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu:	**DV-2047/25-KB-TTH**
Tên gói thầu:	**Dịch vụ nhân công cho công tác thi công giếng khoan Lô 09-1**
Dự án:	Lô 09-1
Phát hành ngày:	03 /_07 /2025
Ban hành kèm theo Quyết định	031/2025/HSMT

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần 4. CÁC PHỤ LỤC

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp HSDT, mở thầu, đánh giá HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá HSDT, cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của HSDT.
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật,
- Mục 4: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính,
- Mục 5: Phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT (nếu có)

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của HSMT và HSDT.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật của dịch vụ phi tư vấn.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.

PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TBMT	Thông báo mời thầu
CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
VND	Đồng Việt Nam

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư quy định tại **BDL** phát hành bộ HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ. 1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại **BDL**.
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận HSDT và được quy định trong TBMT. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng nêu trong HSMT được tính theo mốc GMT+7.
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại **BDL**.
4. Hành vi bị cấm	4.1 Đưa, nhận, môi giới hối lộ; 4.2 Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào công tác lựa chọn nhà thầu; 4.3 Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị Hồ sơ dự thầu hoặc rút Hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký Hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 4.4 Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong Hồ sơ dự thầu nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 4.5 Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Cản trở Người có thẩm quyền, chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu; c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

	d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu; đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng. 4.6 Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây: a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Mục 5-CDNT ; b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định Hồ sơ mời thầu đối với cùng một gói thầu, dự án; c) Tham gia đánh giá Hồ sơ dự thầu đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu, dự án; d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia Tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu; đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định Hồ sơ mời thầu; đánh giá Hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện Hợp đồng; e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó; f) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát; 4.7 Tiết lộ những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu: a) Nội dung Hồ sơ mời thầu trước thời điểm phát hành theo quy định; b) Nội dung Hồ sơ dự thầu, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng Hồ sơ dự thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; c) Nội dung yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá Hồ sơ dự thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của Tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định; e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của Quy chế số VSP-000-TM-238. 4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

	Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 02 triệu USD (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ đã được kê khai trong Hợp đồng) tính trên giá Hợp đồng đã ký kết (theo quy chế 238).
5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	5.1. Nhà thầu là tổ chức, hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp; b) Hạch toán tài chính độc lập; c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. d) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại **BDL**. đ) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và Vietsovpetro. e) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. f) Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia **trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu** g) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự. 5.2 Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân; b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật; c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật; d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu.
6. Nội dung của HSMT	6.1. HSMT bao gồm TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3, Phần 4 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây: **Phần 1. Thủ tục đấu thầu:** - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. **Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:** - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. **Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:** Phần này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

	Phần 4. Các phụ lục 6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư. HSMT do Chủ đầu tư phát hành sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá. 6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của TBMT, HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSDT theo yêu cầu của HSMT cho phù hợp.
7. Sửa đổi, làm rõ HSMT	7.1. Trường hợp sửa đổi HSMT thì Bên mời thầu phát hành văn bản sửa đổi và thông báo bằng văn bản tới tất cả các nhà thầu đã nhận Hồ sơ mời thầu theo các hình thức được quy định tại **BDL**. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu theo quy định tại **BDL** trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu. 7.2. Trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu bằng văn bản trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại **BDL** trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại **BDL** trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. 7.3. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại **BDL**. Bên mời thầu gửi giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu tới tất cả các nhà thầu đã nhận Hồ sơ mời thầu và đăng tải trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSMT gửi tới tất cả các nhà thầu đã nhận Hồ sơ mời thầu. 7.4. Trường hợp HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMT. 7.5. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ HSDT của nhà thầu.
8. Chi phí dự thầu	Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu. Chi phí dự thầu được quy định tại BDL.
9. Ngôn ngữ của HSDT	HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

10. Thành phần của HSDT	HSDT phải bao gồm các thành phần sau: 10.1. Đơn dự thầu được theo quy định tại Mục 11 CDNT; 10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh); 10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 CDNT; 10.4. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại mục 5 CDNT; 10.5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký HSDT phù hợp theo quy định tại mục 20.3 CDNT. 10.6. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 CDNT; 10.7. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 CDNT; 10.8. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 CDNT; 10.9. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 12 CDNT (nếu có); 10.10. Chi tiết CDNT từ mục 10.1-10.9 và các nội dung khác được quy định tại **BDL**.
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành HSDT.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT	12.1. Trường hợp HSMT quy định tại **BDL** về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét. 12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí… và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.
13. Giá dự thầu và giảm giá	13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này: a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá). b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu; c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu; d) Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong các cột "Danh mục dịch vụ" theo Mẫu số 11 Chương IV. 13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

	tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây: a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự). b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần. 13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó. 13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. 13.5. Nhà thầu chào giá dự thầu theo quy định tại **BDL**.
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật	15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDT để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V. 15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.
16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Mục 2 Chương III. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu. 16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.
17. Thời hạn có hiệu lực của HSDT	17.1. HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại **BDL**. 17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

18. Bảo đảm dự thầu	18.1. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy hoặc đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro, nhà thầu đính kèm khi nộp HSDT. Trường hợp HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu. Thể thức bảo lãnh dự thầu theo quy định tại **BDL**. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau: a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả; b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả. 18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **BDL**. 18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B, Mẫu số 04C Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp áp dụng Thư bảo lãnh (*đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro)* phải được đại diện hợp

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

	pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu. 18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định **BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực. 18.5. Các trường hợp không hoàn trả bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây: - Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; - Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 4-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại Điều 32-CDNT; - Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 37-CDNT; - Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời đến thương thảo Hợp đồng. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo Hợp đồng của Bên mời thầu nhưng nhà thầu không đến thương thảo hoặc từ chối thương thảo Hợp đồng hoặc đưa ra những điều kiện khác với các nội dung trong Hồ sơ dự thầu hoặc rút lại các cam kết trong Hồ sơ dự thầu dẫn đến thương thảo Hợp đồng không thành công thì nhà thầu sẽ không được nhận lại Bảo đảm dự thầu. - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện Hợp đồng trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc từ chối ký kết Hợp đồng trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày đã hoàn thiện Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng. 18.6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây: a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Bên mời thầu được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự; b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.
19. Thời điểm đóng thầu	19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại **BDL**. 19.2. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Địa chỉ Bên mời thầu và thời điểm đóng thầu được quy định tại **BDL**. Bên mời thầu tiếp nhận HSDT của tất cả các nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu tham dự thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSMT từ Bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSMT thì nhà thầu

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

	phải nộp kèm chứng từ chuyển khoản một khoản tiền bằng giá bán HSMT trước khi HSDT được tiếp nhận. Phương thức mua và nộp HSDT được quy định cụ thể trong **BDL.** 19.3. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn. 19.4. Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ Hồ sơ dự thầu nào được gửi đến sau thời hạn nộp hồ sơ dự thầu. Mọi Hồ sơ dự thầu mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là nộp muộn, bị loại và trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.
20. Nộp, rút và sửa đổi HSDT	20.1. Nhà thầu phải chuẩn bị HSDT bao gồm: 1 bản gốc HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT và một số bản chụp HSDT theo số lượng quy định tại **BDL**. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ "BẢN GỐC HSDT", "BẢN CHỤP HSDT". Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải chuẩn bị 1 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại **BDL**. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ "BẢN GỐC HSDT SỬA ĐỔI", "BẢN CHỤP HSDT SỬA ĐỔI", "BẢN GỐC HSDT THAY THẾ", "BẢN CHỤP HSDT THAY THẾ". Trường hợp có đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 12 CDNT thì nhà thầu phải chuẩn bị 1 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại **BDL**. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ "BẢN GỐC ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ", "BẢN CHỤP ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ". 20.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại. 20.3. Bản gốc của HSDT phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT, Bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02A Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDT. 20.4. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về pháp lý, văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của các đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

	trong liên danh. 20.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu. 20.6. Túi đựng HSDT bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDT, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ DỰ THẦU". Trường hợp nhà thầu có sửa đổi, thay thế HSDT thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDT, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI", "HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ". Trường hợp nhà thầu có đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì toàn bộ phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm cả đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về giá phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDT, bên ngoài phải ghi rõ "ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ". Các túi đựng: HSDT; HSDT sửa đổi, HSDT thay thế (nếu có); đề xuất phương án kỹ thuật thay thế (nếu có) phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu. 20.7. Trên các túi đựng hồ sơ phải: a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu; b) Ghi tên người nhận là tên Bên mời thầu theo địa chỉ quy định tại mục 19.2 CDNT; c) Ghi tên gói thầu theo quy định tại Mục 1.2 CDNT; d) **Ghi dòng chữ cảnh báo "Không được mở trước thời điểm mở thầu".** 20.8. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMT này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn quy định tại Mục 20.6 và Mục 20.7 CDNT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên. 20.9. Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDT nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDT nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDT nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. 20.10. Sau khi nộp HSDT, nhà thầu có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo quy định tại Mục 20.3 CDNT. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDT phải được gửi kèm với văn bản thông báo việc sửa đổi, thay thế tương ứng và phải bảo đảm các điều kiện sau: a) Được nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 20 CDNT, trên túi đựng văn bản thông báo phải ghi rõ "SỬA ĐỔI HSDT" hoặc "THAY THẾ HSDT" hoặc "RÚT HSDT";

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

	b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19 CDNT. 20.11. HSDT mà nhà thầu yêu cầu rút lại theo quy định tại Mục 20.10 CDNT sẽ được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. 20.12. Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT sau thời điểm đóng thầu cho đến khi hết hạn hiệu lực của HSDT mà nhà thầu đã ghi trong đơn dự thầu hoặc đến khi hết hạn hiệu lực đã gia hạn của HSDT.
21. Mở thầu	21.1. Bên mời thầu phải tiến hành **mở thầu trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu.** Bên mời thầu phải mở công khai và đọc to, rõ các thông tin quy định tại Mục 21.5 CDNT của tất cả HSDT đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở thầu phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại **BDL** trước sự chứng kiến của đại diện của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự thầu. 21.2. Trường hợp nhà thầu có đề nghị rút hoặc thay thế HSDT thì trước tiên Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ các thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ "RÚT HSDT", túi đựng HSDT của nhà thầu có đề nghị rút HSDT sẽ được giữ nguyên niêm phong và trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu rút HSDT và vẫn mở HSDT tương ứng nếu văn bản thông báo "RÚT HSDT" không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu và phải được công khai trong lễ mở thầu. Tiếp theo, Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ "THAY THẾ HSDT" và HSDT thay thế này sẽ được thay cho HSDT bị thay thế. HSDT bị thay thế sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu thay thế HSDT nếu văn bản thông báo thay thế HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu và phải được công khai trong lễ mở thầu. Đối với các túi đựng văn bản thông báo "SỬA ĐỔI HSDT" thì văn bản thông báo gửi kèm sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSDT sửa đổi tương ứng. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu sửa đổi HSDT nếu văn bản thông báo sửa đổi HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu. Chỉ có các HSDT được mở và đọc tại buổi mở HSDT mới được tiếp tục xem xét và đánh giá. 21.3. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây: a) Kiểm tra niêm phong; b) Mở bản gốc HSDT, HSDT sửa đổi (nếu có) hoặc HSDT thay thế (nếu có) và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp, giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu, giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

	tiếp tục xem xét và đánh giá; c) Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thư giảm giá (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 22 CDNT. 21.4. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Mục 21.5 CDNT. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời thầu tại lễ mở thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu. 21.5. Biên bản mở thầu bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. b) Thông tin về các nhà thầu tham dự: - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
22. Bảo mật	22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu. 22.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT (nếu cần thiết) và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.
23. Làm rõ	23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

HSDT	Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. 23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện bằng văn bản. 23.3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDT. 23.4. Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh về tư cách hợp lệ, hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất, báo cáo tài chính, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự, thiết bị cụ thể đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì được gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong một khoảng thời gian quy định tại BDL. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ là một phần của hồ sơ dự thầu. 23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 CDNT. 23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu. 23.7. Trường hợp HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà HSDT không đính kèm các tài liệu này thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá HSDT.
24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá HSDT: 24.1. "Sai khác" là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT; 24.2. "Đặt điều kiện" là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT; 24.3. "Bỏ sót nội dung" là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT.
25. Xác định tính đáp ứng của HSDT	25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT. 25.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDT mà: a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

	lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng; b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT. 25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo quy định tại Mục 15 CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản. 25.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT nhằm làm cho HSDT đó đáp ứng cơ bản HSMT.
26. Sai sót không nghiêm trọng	26.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT. 26.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của bên mời thầu. 26.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các HSDT.
27. Nhà thầu phụ	27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ. 27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại **BDL**. 27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). 27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

	nhà thầu phụ nêu trong HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu. 27.5. Nhà thầu chính không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ có giá trị từ 10% trở lên (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết thì được coi là hành vi "chuyển nhượng thầu".
28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu **- Không áp dụng.**	28.1 Nguyên tắc ưu đãi: a) Nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có lợi nhất cho nhà thầu tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính. b) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng. c) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu, dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu. 28.2. Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi theo quy định tại BDL. 28.3. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu: a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có); b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá. c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu; d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực; đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực; e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực; g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

	giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP; h) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). 28.4. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 28.2 và Mục 28.3 CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT. 28.5. Nhà thầu phải kê khai về dịch vụ được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 12 Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì dịch vụ của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi. 28.6. Trường hợp dịch vụ do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi. 28.7. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu để chứng minh dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.
29. Đánh giá HSDT	29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại BDL để đánh giá HSDT. 29.2. Căn cứ vào HSDT của các nhà thầu đã nộp và phương pháp đánh giá HSDT tại Mục 29.1 CDNT, Bên mời thầu đánh giá HSDT theo các bước như sau: a) Bước 1: Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III: - Bên mời thầu căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong HSDT để kiểm tra và đánh giá tư cách hợp lệ trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong HSDT. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Tổ chuyên gia kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm. b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III: - Bên mời thầu căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong HSDT để đánh giá: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ thuế, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai trong HSDT. - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong HSDT để đánh giá; - Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu. - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

	d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III. đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 30 CDNT. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng không đáp ứng quy định của HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng. 29.3. Nguyên tắc đánh giá HSDT: a) Bên mời thầu đánh giá trực tiếp trên cơ sở HSDT nhà thầu đã nộp. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận; b) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự và tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại; c) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong HSDT không đáp ứng yêu cầu, Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự, thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự, thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại Mục 4 CDNT và bị xử lý theo quy định. d) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b, và c khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin bản gốc HSDT và bản copy HSDT thì thông tin bản gốc HSDT là cơ sở để xem xét, đánh giá.
30.Thương thảo hợp đồng	30.1. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây: a) Báo cáo đánh giá HSDT; b) HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu; c) HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi HSMT (nếu có). 30.2. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng: a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSMT; b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu;

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

	30.3. Nội dung thương thảo hợp đồng: a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, chưa thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng; b) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu; c) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 26 CDNT; d) Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong HSDT hoặc nhân sự đã được thay thế trước khi thương thảo hợp đồng), trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSDT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu. đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác. 30.4. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có). 30.5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ thực hiện. 30.6. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 CDNT.
31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 31.1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III; 31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III; 31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III; 31.4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu; 31.5. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại BDL; 31.6. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.
32. Hủy thầu	32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm: a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của HSMT; b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi mua sắm làm thay đổi khối lượng công việc,

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

	tiêu chí đánh giá đã ghi trong HSMT theo quyết định của Chủ đầu tư. c) HSMT không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 - CDNT; đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 - CDNT dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 32.1 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật. 32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 32.1 CDNT, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 32.1 CDNT.
33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	33.1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư phải gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu; b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu: - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu. 33.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.
34. Thay đổi	34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

khối lượng dịch vụ	khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSDT và HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%. 34.2. Tùy chọn mua thêm: Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư có quyền mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại BDL**.**
35. Thông báo chấp thuận HSDT và trao Hợp đồng	Sau khi Chủ đầu tư gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi văn bản chấp thuận HSDT và trao hợp đồng, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo mẫu quy định tại Phần 3 cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận HSDT và thông báo trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu.
36. Điều kiện ký kết Hợp đồng	36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực. 36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng. 36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.
37. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng	37.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Phần 3. Trường hợp áp dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu tại Phần 3 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. 37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

	định của Bên mời thầu. 38.2. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại BDL.
39. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu	Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại BDL.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU

CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro
CDNT 1.2	Tên gói thầu: **Dịch vụ nhân công cho công tác thi công giếng khoan Lô 09-1** Tên dự án: Lô 09-1
CDNT 3	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): Lô 09.1
CDNT 5.1 (c)	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với*:* - **Chủ đầu tư: Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro**. Địa chỉ chủ đầu tư: Số 105 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. - **Bên mời thầu: Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro**. Địa chỉ bên mời thầu: Số 105 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó. - Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau: $$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^{n} Xi \times Yi$$ Trong đó: X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Số thành viên tham gia trong liên danh.
CDNT 7.1	Việc sửa đổi HSMT trong thời gian tối thiểu **03 ngày làm việc** trước ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 7.2	Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ HSMT đến Bên mời thầu trong khoảng thời gian tối thiểu **03 ngày làm việc** trước ngày có thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu thực hiện làm rõ trong khoảng thời gian tối thiểu **02 ngày làm việc** trước ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 7.5	Hội nghị tiền đấu thầu: Không.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

CDNT 8	Chi phí nộp HSDT: Miễn phí
CDNT 10	**Nhà thầu phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây:** 1. Đơn dự thầu. 2. Bảo đảm dự thầu: Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro (chi tiết tại Mục 18 CDNT). 3. Toàn bộ hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp *(yêu cầu bản sao được chứng thực hợp lệ của văn phòng công chứng hợp pháp tại Việt Nam);* 4. Thỏa thuận liên danh theo mẫu (nếu có); 5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định; Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu theo quy định *(bao gồm tất cả các thành viên liên danh nếu có)*; Cơ cấu tổ chức của nhà thầu … 6. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định: + Báo cáo tài chính trong 03 năm gần nhất; + Các tài liệu chứng minh nghĩa vụ thuế: Bản scan báo cáo tài chính, tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (Mẫu 03/TNDN) đã đăng tải trên trang thuế điện tử năm 2022, 2023, 2024 hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với Hộ kinh doanh; giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc giấy xác nhận không nợ thuế để thể hiện đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu; + Hợp đồng tương tự và các Biên bản nghiệm thu hoàn thành/Bảng xác nhận khối lượng hoàn thành/Biên bản thanh quyết toán hợp đồng/Hóa đơn GTGT. 7. Toàn bộ phần Hồ sơ đề xuất kỹ thuật: Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu; Danh sách chuyên gia, Lý lịch chuyên gia, tất cả các bằng cấp chứng chỉ cần thiết có liên quan, và các tài liệu khác theo quy định tại YCKT. 8. Các tài liệu có liên quan khác (nếu có) để cấu thành 01 HSDT hoàn chỉnh.
CDNT 12.1	Nhà thầu: **Không được phép** nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
CDNT 13.5	Nhà thầu điền đơn giá, thành tiền cho tất cả các hạng mục công việc. Giá chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.
CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của HSDT là: **≥ 90 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 18.1	Thể thức bảo lãnh dự thầu: Bằng văn bản giấy.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

CDNT 18.2	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị bảo đảm dự thầu được tính theo công thức sau: **Giá trị bảo đảm dự thầu (VNĐ) = 422.838.000 VNĐ * Tỷ lệ % cung cấp nhân lực mà nhà thầu xác nhận trong đơn dự thầu.** - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ **120 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. Số tài khoản của Vietsovpetro trong trường hợp thực hiện bảo đảm dự thầu theo hình thức đặt cọc/ chuyển khoản: 008.100.000001.1 Tên người thụ hưởng: Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro. Tại Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Vũng Tàu. **Nội dung chuyển khoản: XNKB nhận bảo lãnh Công ty ... nộp bảo lãnh dự thầu cho gói thầu số DV-2047/25-KB-TTH.**
CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: **14 ngày**, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
CDNT 19.1	**Thời điểm đóng thầu là: 09 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 07 năm 2025.**
CDNT 19.2	Địa chỉ của Bên mời thầu (sử dụng để nộp HSDT): **Xí nghiệp Khoan & Sửa giếng** Địa chỉ: Văn phòng Thư ký, Lầu 9, Tòa nhà điều hành Xí nghiệp Khoan & sửa giếng, số 52 đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Tp.Vũng Tàu. Điện thoại: 0254 3 839 871
CDNT 20.1	Số lượng HSDT phải nộp: **HSDT kỹ thuật: 01 bản gốc và 01 bản chụp.** **HSDT thương mại: 01 bản gốc**. - File mềm (soft file "ecxel/word") chứa copy nội dung Bảng giá chào thầu theo các mẫu quy định ghi trong 01 ổ USB kèm theo/hoặc gửi các file tới email giangth.dr@vietsov.com.vn sau thời điểm đóng thầu. Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDT hoặc đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì nhà thầu phải nộp các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế, phương án kỹ thuật thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT.
CDNT 21.1	**Việc mở thầu sẽ được tiến hành công khai vào lúc: 09 giờ 30 phút, ngày 14 tháng 07 năm 2025**, tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau: **Phòng họp Phòng Thương mại & dịch vụ**, Lầu 8, Tòa nhà điều hành Xí nghiệp Khoan & Sửa giếng, số 52 đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Tp.Vũng Tàu.
CDNT 23.4	Nhà thầu được tự gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong vòng **02 ngày làm việc**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0% giá dự thầu của nhà thầu

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

CDNT 28.2	Các nội dung ưu đãi khác (nếu có): Không áp dụng.
CDNT 29.1	Phương pháp đánh giá HSDT là: - Đánh giá tính hợp lệ của HSDT: Đạt/ Không đạt. - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/ Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/ Không đạt - Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.
CDNT 29.2(đ)	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
CDNT 31.5	Nhà thầu có giá dự sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.
CDNT 34.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 10% Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 10%
CDNT 34.2	Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng
CDNT 38.2	- Người có thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn Xá - Giám đốc XNK&SG + Địa chỉ: Lầu 9, số 52 đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp.Vũng Tàu; + Số điện thoại: 02543-839871 + Fax: 02543-584831 - Bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn: Phòng Thương mại và dịch vụ + Địa chỉ: Số 52 đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp.VT; + Điện thoại: 0254 3839871 (ext: 8704) – DĐ: 0898991827 + E-mail: giangth.dr@vietsov.com.vn
CDNT 40	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: Không áp dụng

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT

1.1. Kiểm tra HSDT:

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;

b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDT, bao gồm hồ sơ về hành chính, pháp lý, hồ sơ về năng lực và kinh nghiệm, đề xuất về kỹ thuật của nhà thầu theo yêu cầu của HSMT, trong đó có: đơn dự thầu, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật; đề xuất về giá và các thành phần khác thuộc HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDT.

1.2 Đánh giá tính hợp lệ của HSDT:

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSDT;

b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh. Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

c) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;

d) Thời hạn hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNT;

đ) Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của HSMT hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro)* phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu. Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp*

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro) không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 4A, Mẫu số 4B, Mẫu số 4C Chương IV). Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu.

e) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu;

g) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 CDNT.

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm. Nhà thầu có HSDT không hợp lệ thì sẽ bị loại và không được xem xét đánh giá các nội dung tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này. Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND nêu tại HSMT để làm cơ sở đánh giá HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo tỷ giá bán ra tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Bảng số 01

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	**Lịch sử không hoàn thành Hợp đồng**	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu (1)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	**Thực hiện nghĩa vụ thuế**	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế(2) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết cùng với đơn dự thầu
3	**Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)***	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu được tính theo công thức sau: **DT bình quân tối thiểu = 25.626.505.000 VNĐ * Tỷ lệ % cung cấp nhân lực mà nhà thầu xác nhận trong đơn dự thầu.** Tài sản ròng trong năm tài chính gần nhất phải dương (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản – Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

4	**Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện Hợp đồng tương tự**	Nhà thầu đã hoàn thành[3] tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ[4] trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm đóng thầu Trong đó: Hợp đồng tương tự là : - Có tính chất tương tự: cung ứng nhân lực hoặc các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho các công trình khí. - **Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 14.094.577.750 VND * Tỷ lệ % cung cấp nhân lực mà nhà thầu xác nhận trong đơn dự thầu**. - **Đã thực hiện xong 100% khối lượng công việc.**	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Ghi chú:

(1) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(2) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(3) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(4) Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Yêu cầu về nhân sự chủ chốt: (được đánh giá chi tiết tại Mục 3 Chương này)

Trường hợp HSMT có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu HSMT. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn[(2)]
1			*tối thiểu__năm hoặc* *tối thiểu___hợp đồng*	
2			*tối thiểu__năm hoặc* *tối thiểu___hợp đồng*	
…				

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu: (được đánh giá chi tiết tại Mục 3 Chương này)

Thiết bị chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

và bị xử lý theo quy định.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1		
2		
3		
…		

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong hai phương pháp dưới đây cho phù hợp:

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 CDNT;

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu:

HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSDT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột "đơn giá" và cột "thành tiền" nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý**.**

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT (nếu có)

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 CDNT, HSDT sẽ được đánh giá như sau:_____ *[ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với phương án kỹ thuật thay thế]*.

Mục 6: Quyền đơn phương chấm dứt đàm phán hợp đồng với nhà thầu xếp hạng nhất, trong giai đoạn đàm phán hợp đồng.

Đối với đề xuất hàng hóa, dịch vụ có xuất xứ từ các nước bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang, trong tình trạng chiến tranh, bị trừng phạt hoặc cấm vận và việc nhập khẩu những hàng hóa, dịch vụ đó có thể bị gián đoạn và ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng và tiến độ giao hàng, nhà thầu được yêu cầu giải trình và cam kết về khả năng giao hàng để Vietsovpetro xem xét, đánh giá.

Căn cứ vào tình hình thực tế tại thời điểm đó, Vietsovpetro sẽ có toàn quyền xem xét và quyết định từ chối các đề xuất của nhà thầu về hàng hóa, dịch vụ đó, hoặc không tiếp tục đánh giá, nếu Vietsovpetro cho rằng việc thực hiện hợp đồng và lịch trình giao hàng có rủi ro. Trong trường hợp đó, Vietsovpetro có toàn quyền quyết định ngừng đàm phán hợp đồng, và mời nhà thầu có thứ hạng tiếp theo liền kề vào đàm phán hợp đồng.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01 Phạm vi cung cấp	**Đính kèm HSMT**	**X**	
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu	**Đính kèm HSDT**		**X**
3	Mẫu số 01A. Giấy ủy quyền			**X**
4	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			**X**
5	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu *(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)*			**X**
6	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu *(áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)*			**X**
7	Mẫu số 04C. Bảo lãnh dự thầu *(áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/ Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro)*			**X**
8	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	**Đính kèm HSDT**		**X**
9	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			**X**
10	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			**X**
11	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			
12	Mẫu số 06D: Bảng kê khai thiết bị chủ yếu			**X**
13	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu			**X**
14	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			**X**
15	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			**X**
16	Mẫu số 09B. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc gói thầu			**X**
17	Mẫu số 10. Bảng tiến độ thực hiện			**X**
18	Mẫu số 11. Bảng giá dự thầu			**X**

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Mẫu số 01

PHẠM VI CUNG CẤP

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ(*)	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Thời gian thực hiện dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Dịch vụ phụ khoan	**Theo YCKT**	6.532	Công/12h	**Theo YCKT**	**Theo YCKT**
2	Dịch vụ chống ăn mòn		3.498	Công/12h		
3	Dịch vụ s/ch điên		270	Công/12h		
4	Dịch vụ móc cáp		2.790	Công/12h		
5	Dịch vụ s/ch nguội thiết bị khoan		912,5	Công/12h		
6	Dịch vụ nguội sửa chữa		1.506	Công/8h		
7	Dịch vụ bảo dưỡng cần khoan ống chống		1.004	Công/8h		
8	Thợ hàn		270	Công/12h		
9	Thợ lái cẩu		40	Công/12h		

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Mẫu số 02

ĐƠN DỰ THẦU [(1)]

Ngày:___

Tên gói thầu: ___

Kính gửi: ___

Sau khi nghiên cứu HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ , *Mã số thuế*_____ , cam kết thực hiện gói thầu_____ số TBMT:_____ theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ cùng với các bảng giá dự thầu kèm theo với:

- Tỷ lệ cung cấp nhân lực là:_____% *[ghi tỷ lệ % được xác định theo công thức tại Phụ lục số 3 đính kèm YCKT].*
- Thời gian thực hiện hợp đồng là: ____ *[ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]*

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là_____ *[Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có].*

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của HSDT:____

Bảo đảm dự thầu:_____*[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu]*

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu:_____ *[ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]*

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực;

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

8. Trường hợp trúng thầu, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;

9. Nếu HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 36.1 CDNT của HSMT;

10. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu(1).

Đại diện hợp pháp của nhà thầu(2)
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, Nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDT, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm Mục 4 CDNT.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Mẫu số 02A

GIẤY ỦY QUYỀN[(1)]

Hôm nay, ngày___tháng___năm_____, tại _____

Tôi là ___*[ghi tên, số CCCD/CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]*, là người đại diện theo pháp luật của _____ *[ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại _____*[ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho ___*[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ___*[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án ___*[ghi tên dự án]* do ___ *[ghi tên Bên mời thầu]* tổ chức:

[-Ký đơn dự thầu;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc văn bản đề nghị rút hồ sơ dự thầu, sửa đổi, thay thế hồ sơ dự thầu;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn.][(2)]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ___*[ghi tên nhà thầu]*. ___*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ___*[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ___đến ngày ___[(3)]. Giấy ủy quyền này được lập thành ___bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ___bản, người được ủy quyền giữ ___bản, Bên mời thầu giữ ___bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn dự thầu theo quy định tại Mục 20.3 CDNT. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Mẫu số 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày:___

Gói thầu: ____

Thuộc dự án/ dự toán mua sắm: ____

Căn cứ [(1)]_____

Căn cứ[(1)]_____

Căn cứ HSMT Gói thầu: _____ với số TBMT:__

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất:____

Mã số thuế: ___

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai:____

Mã số thuế: ___

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ n:____

Mã số thuế: ___

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm ____

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ *[ghi tên của liên danh]*.

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong Hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm ____ đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau[(2)]:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp HSDT cho cả liên danh.

[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu và văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng;

- Thực hiện bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho cả liên danh trong trường hợp liên danh trúng thầu;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Thực hiện tất cả các nghĩa vụ của liên danh không được nêu trong Bảng phân công trách nhiệm giữa các thành viên liên danh ở mục 3 dưới đây;

- Thực hiện các công việc khác trừ việc ký kết Hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây [(3)]:

STT	**Tên**	**Nội dung công việc đảm nhận**	**Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu**	**Giá trị theo tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- Công việc 1:_____	_____%	____ *VNĐ*
		- Công việc 2:_____		
		- Công việc 3:_____		
		……..		
2	Tên thành viên thứ 2	- Công việc 1:_____	_____%	____ *VNĐ*
		- Công việc 2:_____		
		- Công việc 3 _____		
....	.....	....		
Tổng cộng		**Toàn bộ công việc của gói thầu**	**100%**	____ *VNĐ*

3. Phương thức thanh toán cho liên danh trong trường hợp trúng thầu và ký Hợp đồng với chủ đầu tư như sau:

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán trực tiếp cho từng thành viên liên danh theo tiến độ thanh toán được qui định trong Hợp đồng với giá trị được phân chia tương ứng với tỷ lệ khối lượng công việc đã được các thành viên liên danh thống nhất và nêu trong cột (4) Bảng phân công trách nhiệm ở mục 2 của thỏa thuận liên danh này.

- Từng thành viên của Liên danh sẽ phát hành Hóa đơn hợp pháp đúng với phần giá trị công việc đã được thành viên liên danh đó thực hiện theo tiến độ từng đợt thanh toán được qui định trong Hợp đồng.

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Trong trường hợp liên danh trúng thầu, Thỏa thuận liên danh này là một phần không tách rời của Hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư và chỉ chấm dứt hiệu lực khi các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và thanh lý xong Hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm ____ theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Mẫu số 04A

BẢO LÃNH DỰ THẦU[(1)]

(Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: ___ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 BDL]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ___ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng_____ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu_____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/TBMT số____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong___[(2)] ngày, kể từ ngày____ tháng___ năm___[(3)].

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, **cam kết[(4)] không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán** cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* **trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày** nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây, **trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh**:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

2. . Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu.

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng, **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong HSDT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công,** hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua thư tín; trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết Hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện Hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong Hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại TBMT.

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Mẫu số 04B

BẢO LÃNH DỰ THẦU[(1)]

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng:___ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 BDL]*

Ngày phát hành bảo lãnh:___ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số:___ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh:___*[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng____ *[ghi tên nhà thầu][(2)]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/TBMT số____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong___[(3)] ngày, kể từ ngày____tháng___ năm___[(4)].

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, **cam kết[(4)] không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán** cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* **trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày** nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây, **trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh**:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu.

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng, **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong HSDT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công,** hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua thư tín; trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết Hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ____ *[ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh]* vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết Hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện Hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong Hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là "Nhà thầu liên danh A + B";

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thoả thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là "nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B +C)", trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là "Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)";

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại TBMT.

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là có điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 CDNT và thư bảo lãnh được coi không hợp lệ.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Mẫu số 04C

BẢO LÃNH DỰ THẦU(1)

(áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro)

Ngày: ……. (*Ngày ký hồ sơ mời thầu*)
Tên gói thầu:…….. (*Tên gói thầu theo hồ sơ mời thầu*)
Tên dự án: …… (*Tên dự án*)
Hồ sơ mời thầu số: DV-……
Kính gửi: _____ (*tên đầy đủ và địa chỉ của người đại diện*)

Căn cứ vào gói thầu nêu trên, chúng tôi *[ghi tên nhà thầu*] xin xác nhận như sau:

1. Thay vì nộp Bảo đảm dự thầu do ngân hàng phát hành, *[điền tên nhà thầu*] thực hiện bảo đảm dự thầu cho [*tên gói thầu*] bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro một khoản tiền đặt cọc tương đương với số tiền Bảo đảm dự thầu. được chỉ định trong HSMT, là [*chỉ định bằng số, bằng chữ và loại tiền gửi*]
2. Nhà thầu xác nhận rằng Nhà thầu sẽ tuân thủ tất cả các điều kiện theo quy định tại mẫu Bảo đảm dự thầu của HSMT. (*Trường hợp Nhà thầu xác nhận không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo mẫu Bảo đảm dự thầu trong HSMT thì hồ sơ dự thầu của Nhà thầu sẽ không được đánh giá)*
3. Sau [*điền thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu*] ngày kể từ ngày đóng thầu……., Vietsovpetro sẽ chuyển số tiền đặt cọc trên vào tài khoản *của [điền tên nhà thầu*]. [*điền tên nhà thầu*] sẽ chịu trách nhiệm thanh toán mọi khoản phí ngân hàng liên quan đến việc chuyển nhượng này.
4. Tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro:

   Tên người thụ hưởng: Liên Doanh Việt – Nga Vietsovpetro

   Ngân hàng thụ hưởng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu

   Số tài khoản: 008.100.00000.11 (VNĐ)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Nhà thầu đính kèm Ủy nhiệm chi hoặc văn bản chứng minh đã chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro kèm theo thư này.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Mẫu số 05A

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ[(1)]

Tên nhà thầu: _____*[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Đối với mỗi hợp đồng tương tự nhà thầu phải kê khai thông tin sau đây:

Tên và số Hợp đồng	*[ghi tên đầy đủ của Hợp đồng, số ký hiệu]*		
Ngày ký Hợp đồng	*[ghi ngày, tháng, năm]*		
Ngày hoàn thành	*[ghi ngày, tháng, năm]*		
Giá Hợp đồng	*[ghi tổng giá Hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]*		Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần Hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	*[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]*	*[ghi phần trăm giá trị phần Hợp đồng đảm nhận trong tổng giá Hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]*	Tương đương ___ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	*[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có Hợp đồng đang kê khai]*		
Tên Chủ đầu tư:	*[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong Hợp đồng đang kê khai]*		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	*[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]* *[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]* *[ghi địa chỉ e-mail]*		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III[(2)]			
1. Loại dịch vụ	*[ghi thông tin phù hợp]*		
2. Về giá trị Hợp đồng đã thực hiện	*[ghi giá trị Hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng]*		
3. Quy mô thực hiện	*[ghi quy mô theo Hợp đồng]*		
4. Các đặc tính khác	*[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]*		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSMT và đề xuất các Hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều Hợp đồng tương tự thì kê khai từng Hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị Hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

Đại diện nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Mẫu số 06A

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	*[Nhà thầu điền đầy đủ thông tin nhân sự chủ chốt, lý lịch, kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự trong HSDT]*	*[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]*
2		
…		

Đại diện nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Mẫu số 06B

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	**Tên**	**Căn cước công dân/Hộ chiếu**	**Vị trí**	**Ngày, tháng, năm sinh**	**Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn**	**Tên người sử dụng lao động**	**Địa chỉ của người sử dụng lao động**	**Chức danh**	**Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại**	**Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)**	**Điện thoại/ Fax/ Email**
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
…											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

Đại diện nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Mẫu số 06C

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2				
…	…			

Đại diện nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Mẫu số 06D

Không áp dụng

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

<table>
<tr><td colspan="3">Loại thiết bị</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Thông tin thiết bị</td><td>Tên nhà sản xuất</td><td>Đời máy (model)</td></tr>
<tr><td>Công suất (*)</td><td>Năm sản xuất (*)</td></tr>
<tr><td>Tính năng</td><td>Xuất xứ
Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Hiện trạng</td><td colspan="2">Địa điểm hiện tại của thiết bị</td></tr>
<tr><td colspan="2">Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại</td></tr>
<tr><td>Nguồn</td><td colspan="2">Nêu rõ nguồn thiết bị
☐ Sở hữu của nhà thầu ☐ Đi thuê ☐ Cho thuê ☐ Chế tạo đặc biệt</td></tr>
</table>

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

<table>
<tr><td rowspan="4">Chủ sở hữu</td><td colspan="2">Tên chủ sở hữu</td></tr>
<tr><td colspan="2">Địa chỉ chủ sở hữu</td></tr>
<tr><td>Số điện thoại</td><td>Tên và chức danh</td></tr>
<tr><td>Số fax</td><td>Telex</td></tr>
<tr><td colspan="3">Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án</td></tr>
</table>

Đại diện nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Mẫu số 07

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: _____
Ngày: _____
Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có):_____

Các Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu theo quy định khoản 2.1 Mục 2 Chương III

☐ Không có Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

☐ Có Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm___ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Năm	**Phần việc Hợp đồng không hoàn thành**	**Mô tả Hợp đồng**	**Tổng giá trị Hợp đồng** (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả Hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành Hợp đồng:_____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có Hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là có hành vi gian lận và HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Đại diện nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Mẫu số 08

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU[(1)]

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có):_____

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ____ *(nhà thầu điền nội dung này)*		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSMT *(Nhà thầu điền nội dung này)*		
	Năm 1:	**Năm 2:**	**Năm 3:**
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) [(2)]			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đại diện nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = Tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSMT/số năm. Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình thương thảo hợp đồng như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như liên kết công ty mẹ - công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;

- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

Đại diện nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Mẫu số 09A

Không áp dụng

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ[(1)]

STT	Tên nhà thầu phụ[(2)]	Phạm vi công việc[(3)]	Khối lượng công việc[(4)]	Giá trị % ước tính[(5)]	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ[(6)]
1					
2					
3					
4					
…					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ để thực hiện dịch vụ liên quan thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột "Phạm vi công việc". Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong HSDT.

Đại diện nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Mẫu số 09B

Không áp dụng

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU[(1)]

STT	Tên công ty con, công ty thành viên[(2)]	Công việc đảm nhận trong gói thầu[(3)]	Giá trị % so với giá dự thầu[(4)]	Ghi chú
1				
2				
…				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

Đại diện nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Mẫu số 10

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (7): Nhà thầu lập theo Danh mục dịch vụ do Bên mời thầu cung cấp.
- Cột (8): Nhà thầu điền

Đại diện nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Mẫu số 11

BẢNG GIÁ DỰ THẦU

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Dịch vụ phụ khoan	Theo YCKT	6.532	Công/12h		
2	Dịch vụ chống ăn mòn		3.498	Công/12h		
3	Dịch vụ s/ch điện		270	Công/12h		
4	Dịch vụ móc cáp		2.790	Công/12h		
5	Dịch vụ s/ch nguội thiết bị khoan		912,5	Công/12h		
6	Dịch vụ nguội sửa chữa		1.506	Công/8h		
7	Dịch vụ bảo dưỡng cần khoan ống chống		1.004	Công/8h		
8	Thợ hàn		270	Công/12h		
9	Thợ lái cẩu		40	Công/12h		
Giá dự thầu chưa bao gồm thuế GTGT						**M**
Thuế GTGT						**B1**
Tổng cộng giá dự thầu (VNĐ)						**M+B1**

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Nhà thầu lập theo Danh mục dịch vụ do Bên mời thầu cung cấp.

- Cột (6): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

- Cột (7): Nhà thầu tính toán.

Đại diện nhà thầu

(ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

(Xem tài liệu đính kèm tại Phần 4. Các phụ lục)

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 12. Thư chấp thuận HSDT và trao Hợp đồng

Mẫu số 13. Biểu mẫu Hợp đồng

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Mẫu số 12

MẪU THƯ CHẤP THUẬN HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIETSOVPETRO
Совместное предприятие
105 LÊ LỢI, TP.VŨNG TÀU
TEL: 84-254-3839 871
FAX: 84-254-3839 857
Số:

Kính gửi: [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là "Nhà thầu"]

Về việc: Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao Hợp đồng

Xí nghiệp Khoan và Sửa giếng thuộc Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro xin thông báo LD Quý Công ty trúng thầu: **...** - Gói thầu số **...** , với các nội dung chính như sau:

- Phạm vi cung cấp: **...**
- Giá giá trị trúng thầu: **...**
- Thời gian thực hiện Hợp đồng: **...**

Để thực hiện các công việc tiếp theo, trong vòng 07 ngày làm việc sau ngày ký Hợp đồng, Bên B phải nộp giấy bảo lãnh thực hiện Hợp đồng được cấp bởi Ngân hàng có uy tín. Giá trị Bảo đảm thực hiện Hợp đồng bằng ___% tổng giá trị Hợp đồng. Giấy bảo lãnh này có hiệu lực bằng thời hạn thực hiện Hợp đồng cộng thêm 60 ngày lịch.

Nếu quá thời hạn theo yêu cầu mà Vietsovpetro không nhận được Bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo quy định thì sẽ được hiểu Quý công ty từ chối hoàn thiện Hợp đồng, không đáp ứng yêu cầu của Xí nghiệp Khoan và Sửa giếng và sẽ bị loại, đồng thời Quý công ty sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Trong thời hạn **03** ngày làm việc kể từ ngày công văn này, đề nghị Quý công ty gửi công văn xác nhận về nội dung nêu trên.

Trân trọng!

TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC XNK&SG

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Mẫu số 13

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
SỐ: …../25-KB1/……
(Nhóm…)
V/v: Dịch vụ nhân công cho công tác thi công giếng khoan Lô 09-1

(Theo gói thầu số: DV-2047/25-KB-TTH, ngày 05/06/2025)

Căn cứ vào:

- *Nhu cầu mua sắm hàng hóa và thuê dịch vụ của Xí nghiệp Khoan và Sửa giếng (viết tắt là XN Khoan) thuộc Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro;*
- *Khả năng cung cấp của Công ty .....*

Hôm nay, ngày …… tháng …… năm 2025, các Bên gồm:

BÊN A : LIÊN DOANH VIỆT - NGA VIETSOVPETRO – XÍ NGHIỆP KHOAN VÀ SỬA GIẾNG

Địa chỉ : Số 105 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, Tp.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Điện thoại : 0254 3839 871/ 8767
Fax : 0254 3584831
Tài khoản số : 008.100.000001.1 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương, CN Vũng Tàu.
Mã số thuế : 3500102414
Đại diện là : Ông **NGUYỄN VĂN XÁ** Chức vụ**: Giám đốc XN Khoan và Sửa giếng.**
(Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 157/UQ-PL, ngày 06/06/2025).

BÊN B :
Địa chỉ :
Điện thoại :
Fax :
Tài khoản số : .....tại Ngân hàng ..... – Chi nhánh .....
Mã số thuế :
Đại diện là : Ông/ Bà Chức vụ:

Trong Hợp đồng này, Bên A và Bên B đề cập trên đây được gọi riêng là "Mỗi Bên" và/ hoặc được gọi chung là "Các Bên".

Hai Bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng") với các điều khoản như sau:

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

1.1. Bên A có nhu cầu thuê và Bên B đồng ý cung cấp "**Dịch vụ nhân công cho công tác thi công giếng khoan Lô 09-1"** (sau đây gọi tắt là "Dịch vụ") với các yêu cầu được quy định cụ thể tại **Điều 3** của Hợp đồng này:

1.2 Dịch vụ này được Bên A huy động phục vụ cho công tác thi công các giếng thuộc Lô 09-1.

ĐIỀU 2. HÌNH THỨC VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

2.1 Hình thức của Hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

2.2 Đơn giá, tổng giá trị Hợp đồng:

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Dịch vụ phụ khoan	Công/12h	6.532		
2	Dịch vụ chống ăn mòn	Công/12h	3.498		
3	Dịch vụ s/ch điện	Công/12h	270		
4	Dịch vụ móc cáp	Công/12h	2.790		
5	Dịch vụ s/ch nguội thiết bị khoan	Công/12h	912,5		
6	Dịch vụ nguội sửa chữa	Công/8h	1.506		
7	Dịch vụ bảo dưỡng cần khoan ống chống	Công/8h	1.004		
8	Thợ hàn	Công/12h	270		
9	Thợ lái cẩu	Công/12h	40		
Tổng giá trị dịch vụ (chưa bao gồm thuế GTGT)					
Thuế GTGT ……%					
Tổng giá trị hợp đồng tạm tính (đã bao gồm thuế GTGT)					

2.3 Tổng giá trị Hợp đồng tạm tính (đã bao gồm thuế GTGT) là: _____**VNĐ** *(Bằng chữ:* _____).

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

- Tổng giá trị Hợp đồng là giá trị tạm tính. Giá trị Hợp đồng sẽ được thanh quyết toán dựa trên đơn giá cố định được quy định tại **khoản 2.2, Điều 2** của Hợp đồng này cho từng hạng mục Dịch vụ và nhu cầu sử dụng dịch vụ thực tế của Bên A.
- Giá trị Hợp đồng tạm tính nêu trên đã bao gồm tất cả chi phí cần thiết để Bên B cung cấp dịch vụ cho Bên A theo phạm vi quy định của Hợp đồng này như phí nhân công trực tiếp làm việc theo huy động của Bên A, chi phí quản lý, các loại bảo hiểm, an toàn, chứng chỉ theo quy định phù hợp với yêu cầu của công việc, bảo hộ lao động cá nhân và công cụ dụng cụ trang bị cho nhân sự Bên B theo quy định tại **Phụ lục 04 (Bảo hộ lao động cho từng nhóm thợ) đính kèm YCKT**, các khoản phí, phụ cấp liên quan đến nhân sự Bên B và các loại thuế, phí liên quan (không bao gồm thuế GTGT) để thực hiện công việc.
- Đơn giá quy định tại **khoản 2.2 Điều 2** của Hợp đồng này là đơn giá cố định và không thay đổi trong suốt thời gian Hợp đồng có hiệu lực và làm cơ sở thanh toán giá trị Dịch vụ hàng tháng giữa hai Bên.

2.4 Thuế suất thuế GTGT sẽ được điều chỉnh theo quy định tại thời điểm phát hành hóa đơn.

ĐIỀU 3. YÊU CẦU CÔNG VIỆC VÀ NHÂN LỰC

3.1 Nhân sự của Bên B phải có đủ sức khỏe, trình độ chuyên môn, tay nghề, được huấn luyện an toàn và có kinh nghiệm làm việc trên các công trình biển.

3.2 Số lượng nhân sự được huy động theo nhu cầu thực tế của Bên A. Trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên B phải đảm bảo số lượng tối thiểu của từng nhóm thợ quy định tại **Phụ lục 03 (Bảng đề xuất số lượng nhân lực của nhà thầu) đính kèm YCKT**.

3.3 Yêu cầu công việc và năng lực kinh nghiệm cho từng vị trí: Theo quy định tại Yêu cầu kỹ thuật **(Phụ lục số 01 – Bảng tổng hợp nhu cầu nhân lực cần thuê cho công tác thi công giếng khoan).**

3.4 Kiểm tra và, đánh giá hồ sơ nhân lực và huy động:

3.4.1 Bên B cung cấp hồ sơ nhân sự cho Bên A kiểm tra, đánh giá trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thư thông báo kế hoạch huy động nhân sự của Bên A. Bên B đồng thời lập và gửi cho Bên A bảng thống kê tình trạng hồ sơ nhân sự theo mẫu Bên A cung cấp được quy định tại **Phụ lục 02 – Mẫu danh sách nhân sự thực hiện dịch vụ** đính kèm Hợp đồng này.

3.4.2 Nhân sự của Bên B sẽ được Bên A kiểm tra kiến thức/ kỹ năng, kiểm tra tay nghề theo từng vị trí chức danh/ loại thợ và phải đáp ứng yêu cầu thì mới được Bên A huy động làm việc (được xác định trên cơ sở báo cáo đánh giá kiến thức chuyên môn được Lãnh đạo Bên A phê duyệt).

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

3.5 Nhân sự được điều động sẽ thực hiện các nhiệm vụ theo sắp xếp của Bên A, tuy nhiên phải trong khả năng, nghĩa vụ, trách nhiệm và yêu cầu chi tiết đối với từng chức danh quy định tại **khoản 3.2 Điều 3** của Hợp đồng này.

3.6 Bên B không được tự ý thay đổi nhân sự khi không có sự đồng ý của Bên A, đảm bảo danh sách nhân sự của mình được quyết định bởi Bên A và phải chịu sự quản lý của Bên A trong suốt thời gian hiệu lực của Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng do đau ốm, bệnh tật, thương tật, tử vong, hoặc có lý do hợp lý. Bên A sẽ chỉ chấp thuận việc đề xuất thay thế nhân lực trong trường hợp hội đủ các yêu cầu sau:

- Nhân lực thay thế phải có mặt tại XNK&SG trong vòng 04 giờ kể từ khi nhận được thông báo (bằng điện thoại, email hoặc fax).
- Nhân lực thay thế nằm trong Danh sách nhân lực **(Phụ lục 02)** đã được XNK&SG đánh giá đạt và nằm trong nhóm Dự phòng so với số lượng được yêu cầu.
- Trường hợp nhân lực thay mới hoàn toàn: năng lực và trình độ của nhân lực thay thế phải tương đương hoặc cao hơn nhân lực được thay thế và được Bên A chấp thuận. Công văn thay đổi nhân lực phải được gửi đến Bên A trước tối thiểu 03 ngày làm việc để đánh giá và chấp thuận.

Toàn bộ chi phí cho việc thay thế nhân lực theo đề xuất của Bên B do Bên B chịu và chi trả.

3.7 Nếu Bên A yêu cầu Bên B thay đổi một hoặc một số thành viên trong số nhân lực do Bên B cung cấp với lý do chính đáng được thể hiện bằng văn bản, Bên B bằng nỗ lực cao nhất của mình, đảm bảo tìm kiếm nhân lực thay thế để cung cấp cho Bên A trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo từ Bên A (bằng điện thoại, email hoặc fax). Nhân lực thay thế phải có năng lực và trình độ đáp ứng yêu cầu của Bên A và được Bên A chấp thuận.

3.8 Trường hợp xuất phát lỗi từ Bên B và Bên B không có năng lực thực hiện việc huy động nhân lực thay thế, Bên A có quyền tổ chức (kể cả thuê Bên thứ ba) việc thực hiện thay thế đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu.

ĐIỀU 4. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

4.1 Thời gian thực hiện Dịch vụ: Từ ngày nhận thông báo huy động chính thức từ Bên A (Dự kiến từ 01/08/2025 – 31/07/2026).

- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng dịch vụ thực tế, Bên A sẽ thông báo cụ thể cho Bên B bằng văn bản và/ hoặc email phù hợp với tiến độ công việc.
- Thời gian huy động nhân sự: Bên B huy động nhân sự phù hợp với công việc và quy định của Hợp đồng trong vòng **03 (ba) ngày làm việc** kể từ ngày Bên B nhận được thông báo huy động của Bên A.

4.2 Địa điểm thực hiện: trên các giàn khoan tự nâng, giàn nhẹ Sửa giếng (MMWU), các xưởng của Bên A hoặc tại các vị trí khác theo yêu cầu của Bên A.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

4.3 Môi trường và điều kiện làm việc: Theo quy định của Bên A.

4.4 Thời gian làm việc:

- Thời gian làm việc của nhân sự của Bên B phụ thuộc theo yêu cầu, tiến độ của các công việc của Bên A.
- Thời gian làm việc được tính từ thời điểm nhân sự của Bên B có mặt tại địa điểm làm việc của Bên A và kết thúc vào thời điểm nhân sự của Bên B rời khu vực làm việc của Bên A. Trong trường hợp nhân sự của Bên B làm việc trên các công trình biển, ngày đến địa điểm làm việc được tính là 01 (một) công, ngày rời địa điểm làm việc không được tính.
- Đối với công việc trên bờ: Dịch vụ được huy động theo "chế độ làm việc bình thường" với thời gian làm việc là 08 giờ/ngày và 40 giờ/tuần, từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. Nghỉ vào các ngày lễ, Tết, thứ bảy, chủ nhật, các ngày nghỉ chế độ theo Bộ Luật lao động nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi tắt là Bộ Luật lao động) như ma chay, cưới hỏi, ốm, phép...
- Đối với công việc trên các công trình biển: Dịch vụ được huy động theo "chế độ thay phiên thường xuyên trên các công trình biển" với thời gian làm việc là 12 giờ/ngày, bao gồm thứ bảy, chủ nhật, lễ, tết. Mỗi phiên 15 ngày hoặc 21 ngày tùy thuộc vào sự điều động của Bên A.
- Bên A có thể điều động nhân sự Bên B làm thêm ngoài thời gian quy định nêu trên khi cần thiết, để phục vụ cho tiến độ sản xuất của Bên A.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A

5.1 Chịu trách nhiệm quản lý, điều động, phân công công việc, chấm công, đồng thời giám sát sự tuân thủ an toàn lao động, kiểm tra, đánh giá công việc của nhân sự Bên B. Phối hợp với Bên B giải quyết những vướng mắc, vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công việc.

5.2 Thực hiện kiểm tra hồ sơ quản lý lao động, chứng chỉ đào tạo chuyên môn, huấn luyện an toàn,... về nhân sự của Bên B theo quy định của Vietsovpetro.

5.3 Kiểm tra kiến thức an toàn và hướng dẫn an toàn tại nơi làm việc tương ứng với các chức danh được quy định trong quy chế VSP-000-ATMT-460 của Bên A.

5.4 Cấp "Sổ chứng nhận huấn luyện và kiểm tra kiến thức an toàn" cho nhân sự của Bên B khi tham gia thực hiện dịch vụ theo Hợp đồng này.

5.5 Thực hiện các quy định của khoản 2, điều 65, Luật ATVSLĐ và điều 32 Nghị định 39/2016/NĐ-CP đối với các nhân sự của Bên B: thông báo, phổ biến, hướng dẫn cho nhân sự Bên B nội quy, các yếu tố có hại và các biện pháp bảo đảm an toan, vệ sinh lao động tại nơi làm việc. Kịp thời sơ cấp cứu khi xảy ra tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật. Phối hợp cùng Bên B thành lập đoàn điều tra lao động cấp cơ sở đối với các tai nạn thuộc thẩm quyền theo quy định.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

5.6 Bên A sẽ có trách nhiệm cung cấp, sắp xếp, chăm sóc và sơ cứu y tế đối với nhân sự của Bên B trong trường hợp xảy ra ốm đau, tai nạn trong quá trình làm việc tại nơi làm việc của Bên A.

5.7 Trường hợp xảy ra TNLĐ đối với nhân sự của Bên B tại địa điểm làm việc, Bên A, bằng nỗ lực cao nhất của mình, hỗ trợ chăm sóc y tế khẩn cấp và/ hoặc chuyên chở nhân sự của Bên B từ địa điểm làm việc đến cơ sở y tế phù hợp theo chỉ định của bác sỹ có mặt trên công trình biển, trừ khi có chỉ định khác từ Bên B. Cùng lúc, Bên A có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên B về tai nạn để Bên B phối hợp, hỗ trợ cần thiết trong việc chăm sóc. Bên B sẽ chịu trách nhiệm liên quan đến nhân sự của mình kể từ khi nhân sự của Bên B được đưa về cơ sở y tế nêu trên. Sau khi có kết luận của biên bản điều tra TNLĐ được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền, hai Bên có trách nhiệm phối hợp bàn bạc, thống nhất đưa ra hướng xử lý phù hợp đối với nhân sự Bên B và các chi phí phát sinh liên quan. Đồng thời, Bên B có trách nhiệm thay thế nhân sự khác phù hợp theo quy định Hợp đồng nhằm đảm bảo tính liên tục của việc cung ứng dịch vụ.

5.8 Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu bất kỳ nhân sự nào của Bên B không tuân thủ theo sự điều động công việc và theo quy định của Bên A; hoặc không đáp ứng được yêu cầu công việc của Bên A; hoặc nhân sự Bên B nghỉ việc đột xuất dẫn đến việc không đảm bảo khối lượng/chất lượng dịch vụ như quy định của Hợp đồng thì Bên A có quyền yêu cầu Bên B bổ sung nhân sự để thay thế theo quy định tại **khoản 3.7 Điều 3** của Hợp đồng này.

5.9 Theo nhu cầu sản xuất của Bên A, Bên A có toàn quyền trong việc điều động làm thêm cũng như bố trí công việc cho nhân sự của Bên B trong phạm vi công việc quy định tại **Phụ lục 01 – Yêu cầu kỹ thuật** đính kèm Hợp đồng này.

5.10 Phụ thuộc vào nhu cầu sản xuất của Bên A, Bên A có quyền điều chỉnh (tăng/giảm) nhu cầu các hạng mục dịch vụ mà Bên B cung cấp để phù hợp với nhu cầu thực tế của Bên A tại từng thời điểm của Hợp đồng. Bên A có trách nhiệm thông báo sự điều chỉnh này cho Bên B trong vòng 30 ngày trước khi thực hiện.

5.11 Bên A, bằng chi phí của mình, chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển nhân sự ra các công trình biển và quay về bờ, sắp xếp điều kiện ăn, ở cho nhân sự của Bên B trong thời gian làm việc tại công trình biển.

5.12 Có trách nhiệm làm các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho nhân sự của Bên B và thông báo về thông tin nhân sự và trang thiết bị (nếu có) của Bên B được phép ra vào khu vực làm việc (trước khi nhân sự được điều động).

5.13 Bên A có trách nhiệm thanh toán đúng và đủ cho Bên B dựa trên khối lượng công việc thực tế Bên B đã hoàn thành phù hợp với các quy định tại **Điều 9** của Hợp đồng này.

5.14 Trường hợp Bên A không tiếp tục sử dụng nhân lực của Bên B thì Bên A có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên B trước tối thiểu 05 (năm) ngày làm việc.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

6.1 Thực hiện cung cấp Dịch vụ và thực hiện theo đúng phạm vi công việc được quy định tại **Phụ lục 01** của Hợp đồng này**.**

6.2 Đảm bảo cung cấp nhân sự có đầy đủ bằng cấp chuyên môn và chứng chỉ cần thiết, có đủ sức khỏe, năng lực và kinh nghiệm để đảm nhiệm công việc được quy định tại **Phụ lục 01** của Hợp đồng này.

6.3 Huy động nhân sự cần thiết để thực hiện công việc trong vòng **03 (ba) ngày làm việc** kể từ khi nhận được thông báo huy động bằng văn bản của Bên A và cung cấp hồ sơ liên quan đến người lao động cho Bên A theo quy định tại **khoản 3.4, Điều 3** của Hợp đồng này.

6.4 Cung cấp Dịch vụ theo sự điều phối, phân công, công việc của Bên A, chấp hành nghiêm túc các nội quy, quy định lao động của Bên A; quy định, nội quy an toàn lao động của đơn vị sản xuất, bảo mật các thông tin, tài liệu của Bên A. Có tinh thần trách nhiệm, tích cực trong công việc và tuân thủ sự phân công công việc của Bên A. Nếu xảy ra hư hỏng, mất mát, sự cố gây thiệt hại về người và tài sản của Bên A do lỗi của Bên B thì Bên B chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại đó.

6.5 Bên B, bằng chi phí của mình, cung cấp cho nhân sự của mình các trang thiết bị bảo hộ lao động cá nhân và công cụ dụng cụ theo quy định tại **Phụ lục số 4 đính kèm YCKT** để làm việc tại địa điểm làm việc của Bên A.

6.6 Hàng tháng, nhân sự Bên B có trách nhiệm lập bảng chấm công (Timesheet) cho các dịch vụ thực hiện cho Lô 09-1. Bảng chấm công được hoàn thiện và kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng chấm công. Các bảng chấm công phải có xác nhận của Lãnh đạo phòng ban Bên A theo **Phụ lục 02** đính kèm Hợp đồng này và chuyển cho phòng Tổ chức nhân sự của Bên B.

6.7 Đóng BHXH, BHYT, BHTN và bảo hiểm tai nạn, sinh mạng, thương tật, ốm đau, trích nộp và quyết toán thuế thu nhập cá nhân và các vấn đề liên quan khác theo quy định của Pháp luật Việt Nam cho người lao động.

6.8 Tuyệt đối tuân thủ các quy định của Pháp luật và lao động, đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ các quyền lợi theo quy định của Pháp luật. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và người lao động về việc vi phạm chế độ đối với người lao động.

6.9 Đảm bảo ổn định nhân sự cho Bên A, không được tự ý thay đổi nhân sự khi không có sự đồng ý của Bên A (trừ trường hợp nhân sự có nguyện vọng không tiếp tục làm việc tại Bên A), đảm bảo danh sách nhân sự của Bên B được quyết định bởi Bên A và chịu sự quản lý của Bên A trong suốt thời gian hiệu lực của Hợp đồng. Bên B cử người có trách nhiệm thường xuyên phối hợp với đại diện của Bên A trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

6.10 Tuân thủ các quy định của Pháp luật về cho thuê lại lao động. Bên B chịu trách nhiệm và nghĩa vụ đối với tất cả các khiếu kiện về thu nhập, bảo hiểm con người và các

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

khoản nộp theo Luật lao động liên quan đến nhân sự của mình; đồng thời miễn trách và bảo vệ Bên A khỏi các khiếu kiện tranh chấp liên quan đến nhân sự của Bên B.

6.11 Có trách nhiệm đảm bảo cho nhân sự của mình được khám sức khỏe định kỳ hàng năm. Đối với người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì phải được khám sức khỏe ít nhất 06 tháng một lần.

6.12 Chịu trách nhiệm toàn bộ về bảo hiểm, an toàn lao động cho người và tài sản của mình trong suốt quá trình thực hiện công việc. Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này, Bên B, bằng chi phí của mình, tiến hành mua và đảm bảo có hiệu lực các loại bảo hiểm cần thiết liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên B bao gồm ở các loại Bảo hiểm tai nạn con người, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm xã hội, trợ cấp nằm viện phẫu thuật, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm cho thiết bị của Bên B (nếu có) và các Bảo hiểm khác theo yêu cầu của Pháp luật.

6.13 Có trách nhiệm cung cấp thông tin, phối hợp đoàn điều tra tai nạn lao động đối với nhân sự của mình theo quy định.

6.14 Chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các khoản tiền lương, thưởng, phụ cấp, trợ cấp, tiền thêm giờ, tiền làm đêm, thuế thu nhập, bảo hiểm cho nhân sự của Bên B và bồi thường, miễn trách và bảo vệ Bên A đối với tất cả các trách nhiệm, khiếu kiện, nghĩa vụ phát sinh do việc Bên B không thực hiện việc thanh toán như trên.

6.15 Chịu trách nhiệm và có nghĩa vụ đối với tất cả các khiếu kiện về lương, thưởng, phụ cấp và các khoản nghĩa vụ khác liên quan đến bảo hiểm cho nhân sự của mình.

6.16 Chịu trách nhiệm kê khai và thanh toán tất cả các khoản thuế quy định của Nhà nước liên quan đến các hoạt động và thanh toán của Hợp đồng này, đồng thời Bên B phải miễn trách và bồi thường cho Bên A tất cả các khiếu kiện, tổn thất, chi phí phát sinh từ việc Bên B không hoàn thành các nghĩa vụ thuế.

6.17 Thay thế nhân sự theo yêu cầu của Bên A.

6.18 Trong quá trình thực hiện Dịch vụ, nếu có những vấn đề phát sinh ngoài quy định Hợp đồng, hai Bên có trách nhiệm bàn bạc, thống nhất và đưa ra hướng xử lý phù hợp.

6.19 Bên B có trách nhiệm lập các tài liệu, chứng từ làm cơ sở để Bên A thanh toán giá trị Dịch vụ Bên B đã hoàn thành theo yêu cầu của Hợp đồng này.

ĐIỀU 7. TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

7.1 Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên, không Bên nào được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ Hợp đồng mà không có lý do chính đáng và có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên kia. Bên nào không thực hiện Hợp đồng sẽ bị phạt đến 8% giá trị Hợp đồng (tạm tính). Bên nào đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng sẽ bị phạt 8% giá trị chưa thực hiện (tạm tính) của Hợp đồng.

7.2 Nhân lực Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng vi phạm các quy định về an toàn sức khỏe môi trường và kỷ luật lao động theo quy định của Bên A thì tùy theo mức độ

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

vi phạm Bên A tiến hành xử lý kỷ luật (khiển trách, sa thải) và bồi thường thiệt hại vật chất theo quy định của pháp luật (nếu có).

ĐIỀU 8. BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

8.1 Bên B phải bồi thường và chịu trách nhiệm về những tổn hại cho Bên A, nhân viên của Bên A để khắc phục các thiệt hại và mất mát liên quan đến:

a) Tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hay cái chết của bất cứ người nào xảy ra do lỗi của nhân lực Bên B cung cấp, trừ trường hợp do lỗi Bên A, các nhân viên của Bên A cẩu thả, cố ý phạm lỗi hoặc vi phạm Hợp đồng.

b) Hỏng hóc hay mất mát bất cứ tài sản nào xảy ra do lỗi của nhân lực Bên B cung cấp, trừ trường hợp do lỗi Bên A, các nhân viên của Bên A cẩu thả, cố ý phạm lỗi hoặc vi phạm Hợp đồng.

8.2 Bên A phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Bên B, các nhân viên của Bên B để khắc phục các thiệt hại, mất mát, tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hay cái chết do sự cẩu thả, cố ý phạm lỗi hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Bên A, các nhân viên của Bên A gây ra.

ĐIỀU 9. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

9.1 Hàng tháng, Bên A sẽ chấm công và ký xác nhận số ngày công làm việc và số giờ làm thêm (nếu có), gửi cho Bên B trong vòng 05 (năm) ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo để Bên B tiến hành làm thủ tục đề nghị Bên A thanh toán. Biểu giá Hợp đồng nêu tại **khoản 2.2 Điều 2** của Hợp đồng này là căn cứ để xác định giá trị thanh toán theo khối lượng thực tế.

9.2 Trên cơ sở các chứng từ tài liệu thanh toán đã được đại diện có thẩm quyền hai Bên ký xác nhận, Bên A thanh toán cho Bên B toàn bộ các hóa đơn dịch vụ đã hoàn thành phù hợp với quy định của Hợp đồng bằng phương thức chuyển khoản qua ngân hàng trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán hợp lệ bao gồm:

1) Công văn/ Giấy đề nghị thanh toán do đại diện có thẩm quyền của Bên B ký (Bản gốc);

2) Hóa đơn điện tử thuế GTGT, ghi từng loại thuế suất thuế GTGT phù hợp với qui định hiện hành của Nhà nước, có đóng dấu mộc (treo), ghi đầy đủ thông tin của Bên A như dưới đây và gửi email thông báo về việc phát hành hóa đơn điện tử về địa chỉ E-mail: giangth.dr@vietsov.com.vn, ngalt.rd@vietsov.com.vn

Thông tin hóa đơn:

- *Tên người mua mua hàng: bỏ trống, không ghi.*
- *Tên đơn vị: LIÊN DOANH VIỆT – NGA VIETSOVPETRO.*

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

- *Địa chỉ: Số 105 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.*
- *Mã số thuế: 3500102414*

3) Bảng chấm công hàng tháng có xác nhận của Lãnh đạo đơn vị nơi thực hiện công việc (Bản gốc);

4) Biên bản quyết toán dịch vụ hàng tháng được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận (Bản gốc);

5) Biên bản quyết toán và thanh lý Hợp đồng (*khi kết thúc Hợp đồng*) được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận (Bản gốc);

6) Các chứng từ, văn bản, tài liệu liên quan khi phát sinh công việc như giấy nghỉ phép, giấy nghỉ ốm hoặc các các tài liệu khác liên quan đến giá trị dịch vụ quyết toán hàng tháng (*nếu có*) (Bản gốc hoặc bản sao).

9.3 Bên A chỉ thanh toán cho Bên B theo giá trị đã thực hiện có tính đến sự phù hợp với các quy định của Hợp đồng này và các văn bản thỏa thuận khác liên quan đến Hợp đồng do cấp có thẩm quyền hai Bên ký duyệt.

9.4 Thông tin về tài khoản giao dịch của Bên B được ghi ở trang đầu của Hợp đồng này là cố định, duy nhất và không hủy ngang trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng cùng công văn đề nghị thanh toán của Bên B. Bên A không thanh toán vào bất kỳ tài khoản nào khác khi chưa có ý kiến bằng văn bản của Giám đốc (người đại diện theo pháp luật ký Hợp đồng) hoặc ủy quyền của giám đốc của Bên B.

9.5 Phí chuyển tiền do Bên chuyển tiền chịu.

ĐIỀU 10. BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

10.1 Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc sau ngày ký Hợp đồng (ghi tại trang 01 của Hợp đồng), Bên B phải nộp Giấy bảo lãnh thực hiện Hợp đồng (theo mẫu tại **Phụ lục số 06** của Hợp đồng này) được cấp bởi Ngân hàng hoạt động hợp pháp ở Việt Nam và được Bên A chấp nhận. Giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng bằng 3% giá trị Hợp đồng tạm tính.

10.2 Hiệu lực của đảm bảo thực hiện hợp đồng có thời hạn đến ngày Bên B hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng cộng thêm 60 ngày lịch.

10.3 Mọi chi phí liên quan đến việc phát hành Giấy bảo lãnh thực hiện Hợp đồng do Bên B chịu.

10.4 Bên B không được nhận lại giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B từ chối hoặc không thực hiện Hợp đồng sau khi ký Hợp đồng.

10.5 Trong trường hợp Bên B vi phạm trách nhiệm thực hiện Hợp đồng theo quy định tại Hợp đồng này thì khoản tiền bảo đảm được Bên A dùng để khấu trừ tiền phạt.

10.6 Trong trường hợp phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo yêu cầu bằng văn bản của Bên A, Bên B phải lập tức yêu cầu Ngân hàng Phát hành sửa đổi

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Bảo lãnh. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A, Bên B phải gửi cho Bên A Giấy bảo lãnh đã gia hạn hiệu lực.

ĐIỀU 11: BẤT KHẢ KHÁNG

11.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như: chiến tranh, bạo loạn, xung đột vũ trang, cấm vận, thiên tai (lũ lụt, hỏa hoạn, động đất), dịch bệnh ngoài tầm kiểm soát.

11.2 Bên gặp sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay cho Bên kia biết và phải cung cấp chứng cứ chứng minh sự kiện bất khả kháng đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới việc vi phạm Hợp đồng.

11.3 Văn bản xác nhận của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền ở nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng là bằng chứng đủ để chứng minh sự kiện và thời gian xảy ra bất khả kháng.

11.4 Nếu bất kỳ một sự kiện bất khả kháng nào xảy ra, ngăn cản một Bên thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ theo Hợp đồng này thì thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài thêm bằng thời gian mà sự kiện bất khả kháng diễn ra.

11.5 Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn 02 tháng, mỗi Bên đều có quyền chấm dứt Hợp đồng này mà không phải bồi thường bất cứ một khoản tiền nào cho Bên kia.

11.6 Bên không thực hiện được nghĩa vụ theo Hợp đồng do ảnh hưởng trực tiếp bởi các sự kiện bất khả kháng phải ngay lập tức thông báo cho Bên kia biết. Việc thông báo chậm hơn 10 ngày sau khi bất khả kháng xảy ra làm cho Bên gặp bất khả kháng mất quyền miễn trách sau này vì lý do bất khả kháng.

11.7 Các khó khăn trong sản xuất như thiếu vật tư, điện, nhân công, tài chính … không được coi là bất khả kháng và không miễn cho Bên B nghĩa vụ thực hiện dịch vụ hoặc thực hiện dịch vụ muộn.

ĐIỀU 12: AN TOÀN, SỨC KHỎE VÀ MÔI TRƯỜNG

12.1. Bên B phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực ATSKMT cũng như các nội quy, quy định của Bên A trong phạm vi thẩm quyền của mình

12.2. Bên B phải được hướng dẫn có "ký" xác nhận và tuân thủ đầy đủ "Quy định quản lý an toàn - sức khỏe – môi trường đối với các nhà thầu" khi thực hiện công việc tại công trình của Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro VSP-000-ATMT-448 (phiên bản 06)

12.3. Nhân sự của bên B phải có chứng chỉ ATSKMT phù hợp hoặc phải qua các khóa đào tạo cần thiết tại Trung tâm An toàn và Bảo vệ môi trường (TTAT&BVMT)

12.4. Trước khi thực hiện công việc tại các công trình của Bên A, người lao động của Bên B phải được hướng dẫn về ATSKMT có xác nhận hướng dẫn bằng văn bản. Bên B phải đảm bảo có sẵn các trang thiết bị và phương tiện bảo hộ lao động cần thiết.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

12.5. Bên B phải tổ chức họp hàng ngày để xác định nhiệm vụ và đánh giá rủi ro đối với từng loại công việc cụ thể. Việc phân tích an toàn công việc phải được thực hiện theo các yêu cầu tại Quy định Phân tích an toàn công việc (JSA) VSP-000-ATMT-474 và phải được thỏa thuận với người chịu trách nhiệm của Bên A.

12.6. Trong quá tình hoạt động của mình, Bên B phải tuân thủ đầy đủ:

- Quy định cấm sử dụng đồ uống có cồn và các chất ma túy trên công trình của Vietsovpetro (VSP-000-ATMT-456)
- Chỉ thị của Chánh kỹ sư Vietsovpetro số 197/CT-AT ngày 07/02/2013 về việc tăng cường trách nhiệm của Người đứng đầu các đơn vị và công trình sản xuất đối với người lao động về việc sử dụng rượu bia tại công trình sản xuất và nơi làm việc.
- Quy định về cấm hút thuốc lá trong LD "Vietsovpetro" (VSP-000-ATMT-440) và cung cấp bằng chứng, tài liệu về việc hướng dẫn.

12.7. Bên B chịu trách nhiệm về an toàn PCCC và áp dụng các biện pháp phòng ngăn ngừa cháy nổ tại nơi làm việc trong hoạt động của mình. Khi tiến hành các công việc sinh lửa hoặc nguy hiểm khí phải được sự cho phép của Lãnh đạo công trình phù hợp theo tài liệu nội bộ của Bên A.

12.8. Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm tuân thủ các Quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường và quản lý chất thải, Quy định quản lý chất thải của Vietsovpetro (VSP-000-ATMT-435) và các văn bản quy định hiện hành khác trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

12.9. Mọi tổn thất của Bên A do lỗi của Bên B liên quan đến việc vi phạm ATSKMT phải được Bên B bồi thường đầy đủ và thỏa đáng.

12.10. Bên B chịu trách nhiệm về mọi vấn đề liên quan đến ATSKMT, bảo hiểm và điều tra tai nạn lao động của nhân viên mình trong quá trình hoạt động.

12.11. Trong trường hợp vi phạm nghiêm trọng hoặc thường xuyên lặp đi lặp lại trong lĩnh vực ATSKMT, trực tiếp hoặc gián tiếp đe dọa đến tính mạng của con người, sự an toàn của tài sản hoặc hình ảnh của Bên A, cố tình không hợp tác trong quá trình làm việc hoặc khi kiểm tra, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt thỏa thuận/ hợp đồng hiện hữu và từ chối Bên B thực hiện bất kỳ công việc nào trong tương lai tại các công trình của Bên A.

ĐIỀU 13: GIỚI HẠN VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

13.1 Không Bên nào phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với Bên kia vì sự thiệt hại về lợi nhuận, hay thiệt hại gián tiếp liên quan đến Hợp đồng này ngoài các quy định về phạt do chậm trễ thực hiện Hợp đồng, sửa chữa sai sót, bồi thường thiệt hại.

13.2 Không giới hạn trách nhiệm pháp lý trong các trường hợp gian lận, lỗi cố ý của Bên phạm lỗi.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

13.3 Không bên nào có trách nhiệm đối với những tổn thất, mất mát, thiệt hại gián tiếp phát sinh, bao gồm cả tổn thất về lợi nhuận, gián đoạn kinh doanh do bất kỳ nguyên nhân nào.

ĐIỀU 14: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

14.1 Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa hai Bên trên tinh thần hợp tác, hai Bên cùng có lợi và tôn trọng lẫn nhau. Thời gian để hai Bên thương lượng trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp.

14.2 Trường hợp tranh chấp không thể giải quyết bằng thương lượng thì sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền trực thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Phán quyết của Tòa án, buộc các bên phải tuân thủ. Bên thua kiện sẽ chịu toàn bộ án phí và các lệ phí điều tra, xác minh.

ĐIỀU 15: ĐIỀU KHOẢN CHUNG VÀ HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

15.1 Những điều không quy định hoặc quy định không đầy đủ trong Hợp đồng này sẽ căn cứ theo những quy định hiện hành của pháp luật nước CHXHCN Việt Nam.

15.2 Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với Hợp đồng này đều phải được hai Bên thỏa thuận bằng văn bản.

15.3 Không Bên nào được chuyển quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho bên thứ ba mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia.

15.4 Hợp đồng và các tài liệu dẫn chiếu được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:

1) Hợp đồng, kèm theo các Phụ lục Hợp đồng;
2) Thông báo trúng thầu/ Thư chấp thuận Hồ sơ dự thầu và trao Hợp đồng;
3) Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu;
4) Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có);
5) Các tài liệu khác (nếu có).

15.5 Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng 03 (ba) năm kể từ ngày ký Hợp đồng hoặc cho đến khi hai Bên thực hiện hết trách nhiệm và nghĩa vụ của mình như quy định trong Hợp đồng này, tùy điều kiện nào đến trước.

15.6 Hết thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, nếu hai Bên không có khiếu nại gì coi như Hợp đồng đã được thanh lý.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
GIÁM ĐỐC	**GIÁM ĐỐC**

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

PHỤ LỤC 01

Hợp đồng số:___/25-KB1/___

V/v: Cung cấp dịch vụ nhân công cho công tác thi công giếng khoan Lô 09-1

YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ THUẬT NGỮ

XNK&SG/VSP	Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro- Xí nghiệp Khoan & Sửa giếng
Nhà thầu	Nhà thầu cung cấp nhân lực thi công cho công tác thi công giếng khoan.
HAI BÊN	Xí nghiệp Khoan & Sửa giếng và Nhà thầu
GÓI THẦU	Cung cấp dịch vụ nhân công cho công tác thi công giếng khoan Lô 09-1
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu

2. MỤC ĐÍCH, PHẠM VI CÔNG VIỆC, THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM LÀM VIỆC

2.1. Mục đích sử dụng

Đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các giàn tự nâng, giàn nhẹ sửa giếng (MMWU), các xưởng để thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh;

2.2. Phạm vi công việc

Nhà thầu được yêu cầu chào cung cấp dịch vụ nhân công theo Danh mục nhu cầu nhân lực để thực hiện thi công giếng khoan, bao gồm:

- Nhân lực trực tiếp:
  - ✓ Thợ phụ khoan
  - ✓ Thợ móc cáp
  - ✓ Thợ điện
  - ✓ Thợ chống ăn mòn
  - ✓ Thợ sửa chữa nguội thiết bị khoan
  - ✓ Thợ nguội sửa chữa
  - ✓ Thợ bảo dưỡng cần khoan ống chống
  - ✓ Thợ hàn điện, hàn hơi
  - ✓ Thợ lái cẩu
- Số lượng từng loại nhân lực cần thuê như **Phụ lục số 1: Bảng tổng hợp nhu cầu nhân lực cần thuê cho công tác thi công giếng khoan** đính kèm.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

2.3. Thời gian và địa điểm làm việc:

a. ***Thời gian***

- Thời gian hiệu lực Hợp đồng là 03 năm (36 tháng) kể từ ngày ký hợp đồng. **Thời gian thực hiện dịch vụ** theo bảng Khối lượng mời thầu của Đơn hàng XNKB-0292/25-TTH: **Từ ngày nhận thông báo chính thức của XNK&SG (dự kiến từ ngày 01/08/2025 đến hết ngày 31/07/2026)**.

- Được bố trí làm việc theo chế độ làm việc theo lịch, theo các quy định của Luật lao động và theo các quy định hiện hành của Vietsovpetro.

b. ***Địa điểm:*** trên các giàn khoan tự nâng, giàn nhẹ Sửa giếng (MMWU) và các xưởng của XN Khoan và Sửa giếng hoặc tại các vị trí khác theo yêu cầu của XN Khoan và Sửa giếng.

3. YÊU CẦU KỸ THUẬT

3.1 . Yêu cầu chung

3.1.1 *Đối với Nhà thầu cung cấp dịch vụ nhân công*

Nhà thầu cung cấp dịch vụ nhân công phải đáp ứng các quy định tại Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của chính phủ về Quy định chi tiết thi hành điều 54 của Bộ luật Lao động 2019 về việc cấp phép hoạt động cho thuê lại lao động: **có Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động**.

3.1.2 Năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu cung cấp dịch vụ

- Đã thực hiện các hợp đồng trong lĩnh vực: cung ứng nhân lực hoặc các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho các công trình biển trong lĩnh vực khoan và sửa giếng (có địa chỉ, số điện thoại và tên người để liên lạc và kiểm tra)
- Nhà thầu đã thành lập và hoạt động ít nhất trên 05 năm tính đến thời điểm chào thầu.
- Nhà thầu có đủ hệ thống quản lý an toàn – sức khỏe – môi trường như quy định tại mục 3.1.5.
- Hồ sơ đề xuất kỹ thuật của Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các thông tin sau:

+ Danh mục từng nhóm thợ Nhà thầu cung cấp;

+ Cung cấp danh sách các nhân viên dự kiến sẽ làm việc cho XN Khoan và Sửa giếng (kèm lý lịch, hợp đồng lao động, các bằng cấp, chứng chỉ có liên quan phù hợp với các yêu cầu được nêu tại các mục 3.1.4 và 3.2 ghi rõ số năm kinh nghiệm và các dự án đã từng tham gia liên quan đến lĩnh vực thi công giếng khoan, CMND/Hộ Chiếu/ CCCD còn hạn).

+ Bằng cấp và các Chứng chỉ nghề phù hợp với công việc/chức danh được quy định trong mục 3.2, phải được công chứng trong thời hạn 6 tháng hoặc đối chiếu bản chính.

+ Giấy chứng nhận sức khỏe của TTYT Vietsov hoặc các TTYT từ cấp huyện trở lên với đầy đủ nội dung khám có kèm theo các kết quả xét nghiệm máu, nước tiểu, chụp Xquang, điện tim, chức năng gan, thận, thính lực… không có tiền sử bệnh tim mạch, động kinh, huyết áp, truyền nhiễm, mù màu. Giấy khám sức khỏe có thời hạn không quá 6 tháng có kết luận "Đủ sức khỏe làm việc".

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

- Cung cấp các hồ sơ về Hệ thống quản lý ATSKMT được nêu tại mục 3.1.5.

3.1.3 Yêu cầu về nhân lực và huy động:

- Nhà thầu được yêu cầu cung cấp nhân sự theo khả năng của Nhà thầu đối với từng nhóm thợ, Nhà thầu phải tự đề xuất số lượng nhân sự nhưng không được thấp hơn số lượng nhân sự tối thiểu đối với từng nhóm thợ được quy định trong **Phụ lục 3- Bảng đề xuất số lượng nhân lực của Nhà thầu** (đính kèm). Nhà thầu phải cam kết cung cấp đầy đủ nhân lực đạt yêu cầu kỹ thuật theo số lượng đã đề xuất trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.
- Việc huy động nhân lực: XNK&SG sẽ có thông báo cụ thể cho Nhà thầu bằng văn bản phù hợp với tiến độ của dự án.
- Thời gian thực hiện huy động dự kiến: Theo **Phụ lục số 2: Kế hoạch huy động nhân lực cho công tác thi công giếng khoan** (đính kèm).
- Nhà thầu phải tuân thủ quy định hiện hành của Luật pháp Việt Nam về việc ký kết hợp đồng với người lao động. Đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ các quyền lợi theo quy định của pháp luật. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và người lao động về việc vi phạm chế độ đối với người lao động.
- Trước khi ký kết Hợp đồng, Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ Danh sách nhân sự cung cấp kèm theo bằng cấp và các Chứng nghề chỉ nghề phù hợp với công việc/chức danh từng nhóm thợ theo Hồ sơ dự thầu được quy định trong mục **3.2** tại YCKT.
- Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày Nhà thầu nhận được văn bản yêu cầu của XNK&SG về nhu cầu huy động, Nhà thầu phải cung cấp đúng và đủ nhân lực theo yêu cầu của XNK&SG, Nhà thầu phải phản hồi bằng văn bản đính kèm danh sách và hồ sơ của nhân sự. Trong trường hợp XNK&SG yêu cầu Nhà thầu huy động nhân lực ngoài kế hoạch với lý do chính đáng được thể hiện bằng văn bản/ email/ fax, Nhà thầu bằng nỗ lực cao nhất của mình, sẽ cung cấp nhân lực cho XNK&SG trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo của XNK&SG bằng văn bản/ emai/ fax.
- Các nhân lực của Nhà thầu sẽ được XNK&SG kiểm tra kiến thức/kỹ năng, kiểm tra tay nghề theo từng vị trí chức danh/loại thợ (quy định tại mục **3.2** trong YCKT) và phải đáp ứng yêu cầu (được quy định tại điểm 4.7, mục 4 - Trách nhiệm của nhà thầu tại bảng YCKT) thì mới được XNK&SG huy động vào dự án.
- Nhà thầu không được tự ý thay đổi nhân lực khi không có sự đồng ý của XNK&SG, đảm bảo danh sách nhân lực của mình được quyết định bởi XNK&SG và phải chịu sự quản lý của XNK&SG trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

3.1.4 Đối với lao động trực tiếp thực hiện dịch vụ

- **Công dân Việt Nam, nam giới, từ 20 tuổi tới 47 tuổi**, có đủ khả năng lao động và năng lực hành vi theo quy định của pháp luật, đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

+ Đủ sức khỏe để làm việc theo chức danh, có giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền khám xác nhận, còn hiệu lực trong vòng 06 tháng kể từ ngày khám.

+ Có trình độ chuyên môn phù hợp với ngành/nghề/chức danh đảm nhiệm của dịch vụ được cung ứng quy định tại mục **3.2** tại YCKT.;

+ Có kinh nghiệm làm công việc chuyên môn với yêu cầu của từng dịch vụ.

+ Có chứng chỉ An toàn biển T-BOSIET/ T-FOET (Opito Approval) bao gồm Offshore Safety Induction (OSI), Sea Survival (SS), Helicopter Safety and Helicopter Underwater Escape Training (HUET), Basic Fire Fighting (BFF), Basic First Aid (BFA).

+ Có thẻ an toàn vệ sinh lao động nhóm 3 còn thời hạn theo lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm dịch vụ, được cấp bởi các tổ chức được phép huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 theo quy định của pháp luật (quy định tại khoản 3, điều 17 Nghị định 44/2016/NĐ-CP).

+ Có hợp đồng lao động còn hiệu lực

+ Có chứng chỉ huấn luyện PCCC do Công an PCCC&CNCH cấp (theo điều 16, thông tư 66/2014/TT-BCA, do nhân sự làm việc trong điều kiện môi trường có nguy hiểm cháy nổ, hoá chất, sơn, dung môi, làm việc trong không gian hạn chế…).

+ Lý lịch nhân thân rõ ràng (không đang bị truy tố hoặc trong thời gian thi hành án hình sự, không thuộc diện đối tượng không chấp hành luật Nghĩa vụ Quân sự, hoặc đang liên quan đến các vụ việc khiếu kiện…). Sơ yếu lý lịch được cơ quan có thẩm quyền/đơn vị sử dụng lao động xác nhận.

- Nhân viên Nhà thầu phải tuyệt đối tuân thủ các quy định và quy trình của LD " Vietsovpetro" và XN Khoan & Sửa giếng về:

+ Nội quy làm việc và sinh hoạt, giờ giấc, hút thuốc lá… tại công trình.

+ Các quy trình hướng dẫn công việc tại nơi làm việc.

+ Quy định về phòng cháy chữa cháy.

+ Vệ sinh công nghiệp, quy định phân loại, thu gom và xử lý chất thải.

+ Quy định về đồ uống có cồn, chất kích thích.

+ Quy định về sinh hoạt, thể thao, giải trí, các hành vi bị cấm khác trên công trình (như mang đồ câu, câu cá trên công trình…)

+ Các quy định khác có hiệu lực trong LD "Vietsovpetro" và XN Khoan & Sửa giếng.

- Chịu sự kiểm tra của XN Khoan & Sửa giếng trong mọi thời điểm và phải chấp nhận các hình thức xử lý do XN Khoan & Sửa giếng quyết định nếu phát hiện tàng trữ, vận chuyển, sử dụng rượu, bia, đồ uống có cồn, chất kích thích, thuốc không hợp pháp…hoặc phát hiện các hành vi bị cấm khác (Theo quy định của Vietsovpetro của XNK&SG và của luật pháp Việt Nam).
- Mọi trường hợp không chấp hành (không chấp hành/ không tuân thủ các nội quy, quy định của VSP, của XNK&SG), không hợp tác khi kiểm tra sẽ phải lập tức rời khỏi công trình của XN Khoan & Sửa giếng và không được tham gia bất kỳ công việc nào khác liên quan đến XN Khoan & Sửa giếng.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

- Nhân viên Nhà thầu phải tham gia vào các đợt huấn luyện, thực tập theo chức danh công việc của công trình để nâng cao kỹ năng cũng như phải làm quen với:

+ Các dạng báo động trên công trình.

+ Các lối thoát hiểm, vị trí tập trung, vị trí xuồng cứu sinh…

+ Các nội quy, các yếu tố có hại và các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

- Có tinh thần trách nhiệm trong công việc; chấp hành mọi sự phân công (phù hợp với chức danh được điều động), quản lý của XN Khoan & Sửa giếng.

3.1.5 Yêu cầu về Hệ thống quản lý An toàn- Sức khỏe- Môi trường của Nhà thầu

Nhà thầu cung cấp dịch vụ nhân công phải cung cấp các hồ sơ sau:

- Cam kết của Lãnh đạo công ty về công tác ATSKMT.
- Chính sách về AT-SK-MT.
- Hệ thống quản lý AT-SK-MT (sơ đồ tổ chức, mô tả chức năng nhiệm vụ của các bên liên quan).
- Chính sách phòng chống bia rượu và chất kích thích.
- Chính sách chống hút thuốc lá nơi làm việc
- Công tác đào tạo và huấn luyện về ATSKMT và ATVSLĐ.
- Việc cấp phát bảo hộ lao động cho nhân viên.
- Công tác khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên.
- Quy trình về thống kê, điều tra tai nạn, sự cố.
- Hệ thống quản lý Nhà thầu.
- Việc thực hiện công tác kiểm tra AT-SK-MT.
- Kế hoạch phòng chống thiên tai-dịch bệnh.
- Nhà thầu bắt buộc phải mua bảo hiểm tai nạn cho nhân sự.
- Nhà thầu có trách nhiệm đảm bảo người lao động của mình Nhà thầu được khám sức khỏe định kỳ hàng năm. Đối với người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì phải được khám sức khỏe ít nhất 06 tháng một lần.
- Trường hợp nhân sự của Nhà thầu làm hư hỏng, mất mát, gây sự cố và thiệt hại về người/ tài sản/ lợi ích kinh tế của XNK&SG thì Nhà thầu chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại đó. Nhà thầu miễn thường cho XNK&SG các mất mát, hư hỏng về người và thiết bị của Nhà thầu nếu không do lỗi của XNK&SG.
- Nhà thầu phải cung cấp Bảng định mức cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân (PPE) cho từng loại chức danh thợ đã được phê duyệt. Bảng định mức này là cơ sở để XNK&SG giám sát an toàn vệ sinh lao động đối với Nhà thầu.
- Nhà thầu phải đảm bảo nhân sự của Nhà thầu tuân thủ quy định hút thuốc lá đúng nơi quy định và không sử dụng đồ uống có cồn và các chất kích thích tại các công trình của Vietsovpetro. Nếu nhân sự của Nhà thầu vi phạm thì sẽ xử lý vi phạm theo quy định của

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Vietsovpetro từ khiển trách đến trục xuất ra khỏi phạm vi cung cấp nhân lực của Nhà thầu.

3.1.6 Yêu cầu về bảo hộ lao động cá nhân:

Nhà thầu phải tự trang bị BHLĐ (quần áo, mũ, giày da, kính bảo hộ, bịt tai chống ồn, khẩu trang) đạt tiêu chuẩn cho các nhân sự sẽ thực hiện công việc tại các công trình của VSP/ XNK&SG cung cấp phù hợp với từng loại nhân lực/chức danh theo quy định của Liên Doanh Việt - Nga Vietsovpetro (**Phụ lục 4- Bảo hộ lao động cho từng nhóm thợ**).

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

3.2. Yêu cầu chi tiết về lao động

Nhà thầu được yêu cầu cung cấp nhân sự có năng lực đáp ứng các công việc, kinh nghiệm, bằng cấp, chứng chỉ phù hợp với từng loại thợ được quy định trong bảng sau:

STT	Loại thợ	Công việc cần thực hiện	Yêu cầu về bằng cấp, chứng chỉ	Yêu cầu về kinh nghiệm, thực hành
1.	***Thợ phụ khoan***	✓Hiểu rõ ý nghĩa, cơ chế, và đặc tính kỹ thuật của các thiết bị khoan và thiết bị phụ trợ khác, các quy trình công nghệ và các đường ống kỹ thuật trên giàn khoan. ✓Vận hành khóa càng cua, khóa tháo, lắp cần tự động, thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ công tác thi công giếng khoan; ✓Sử dụng các phương tiện thủ công và tự động để di chuyển, nâng, kéo, đẩy, tháo và lắp đặt cần ống và các thiết bị khoan; ✓Chuẩn bị và đo chiều dài cần khoan để tiếp cần. ✓Chuẩn bị choòng khoan mới để tiếp tục khoan. ✓Tháo/ lắp chấu chèn (Klin) từ bàn rotor theo yêu cầu; ✓Giữ cho các trang thiết bị trên sàn khoan và toàn bộ sàn khoan, khu vực sàn rung, kho hóa phẩm, trên mặt sàn bể tuần hoàn, bể chứa dung dịch luôn sạch sẽ; ✓Hỗ trợ bảo dưỡng, sửa chữa, làm sạch các thiết bị, máy móc trên sàn khoan; Các dụng cụ khác luôn ở trạng thái hoàn hảo ✓Tham gia các cuộc họp trước khi thực hiện các hoạt động khoan và họp về các vấn đề an toàn; ✓Đảm bảo đưa các mã hàng rời khỏi sàn giàn khoan đúng cách; ✓Vệ sinh các thiết bị khoan trước khi đổi ca;	✓ Phải có bằng/chứng chỉ nghề Thợ phụ khoan có thời gian đào tạo tối thiểu 6 tháng và được cấp bởi các cơ sở có chức năng đào tạo. ✓ Nhân sự được huy động thực hiện công việc phải có chứng chỉ IWCF tối thiểu level 1 ✓ Có chứng chỉ huấn luyện PCCC do Công an PCCC&CNCH cấp	✓ Tối thiểu 06 tháng kinh nghiệm làm thợ phụ khoan trên các giàn khoan.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

STT	Loại thợ	Công việc cần thực hiện	Yêu cầu về bằng cấp, chứng chỉ	Yêu cầu về kinh nghiệm, thực hành
		✓Thực hiện việc sơn và bảo dưỡng các thiết bị trên sàn khoan khi có yêu cầu; ✓Hỗ trợ việc bảo trì sàn rung bảo đảm điều kiện hoạt động tối ưu và thực hiện các bảo dưỡng hoặc sửa chữa nhỏ; ✓Hỗ trợ tháo/ lắp hệ thống đối áp, cành thông; ✓Hỗ trợ việc bơm trám xi măng theo phân công của người phụ trách. ✓Hỗ trợ thợ dung dịch trên sàn rung và sàn phụ; ✓Hỗ trợ gia công dung dịch khoan; ✓Hỗ trợ các công việc khác theo phân công của kíp trưởng hoặc đốc công khoan.		
2.	***Thợ cơ khí Offshore*** (***Thợ nguội thiết bị khoan)***	Thực hiện việc kiểm tra, bảo trì, lắp đặt, sửa chữa các thiết bị cơ khí trên giàn: ✓Nhóm thiết bị kéo thả nâng hạ bộ cần khoan, ống chống: Tháp khoan, các thiết bị tời kéo phụ lắp trên tháp, ròng rọc tĩnh, ròng rọc động, tời khoan, cabin kíp trưởng, Topdrive, bộ kẹp cáp, tang cuốn cáp tời, bàn rotor, các bộ chấu chèn (klin) xách tay, bộ chấu chèn (klin) hơi (PS-16), bộ chấu chèn (klin) thủy lực PS-30, 21… ✓ Nhóm thiết bị vặn cần khoan, ống chống: Iron roughneck, khóa càng cua, khóa rút thủy lực, các khóa thủy lực vặn ống chống, NKT, trạm bơm cho khóa thủy lực, khóa hơi vặn cần. ✓Nhóm thiết bị tạo dòng và tuần hoàn dung dịch : Bơm khoan 3 xi lanh, tác dụng đơn, hệ thống manifold, bơm li tâm nạp, bơm li tâm trộn	✓ Phải có bằng/Chứng chỉ nghề Thợ nguội (Thợ cơ khí) bảo dưỡng/ sửa chữa thiết bị khoan có thời gian đào tạo tối thiểu 6 tháng và được cấp bởi các cơ sở có chức năng đào tạo. ✓ Có chứng chỉ huấn luyện PCCC do Công an	✓ Tối thiểu 06 tháng kinh nghiệm làm thợ cơ khí thiết bị khoan (Thợ nguội) trên các giàn khoan.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

STT	Loại thợ	Công việc cần thực hiện	Yêu cầu về bằng cấp, chứng chỉ	Yêu cầu về kinh nghiệm, thực hành
		dung dịch, bơm li tâm rót dung dịch, bơm li tâm cho máy lọc bùn, lọc cát, tách khí, hệ thống sàng rung làm sạch dung dịch, máy khuấy dung dịch, hệ thống bể dung dịch bao gồm các đường ống, van chặn, hệ thống các bồn bể đựng sét bột, barite, các phễu trộn dung dịch, máy lọc bụi. ✓ Hệ thống thiết bị chống phun: Hệ thống đối áp, hệ thống chuyển dòng (Diverter), cụm điều tiết và dập giếng, trạm thủy lực điều khiển đối áp, Trạm thủy lực điều khiển cụm điều tiết và dập giếng, thiết bị bơm trám xi măng. ✓Hệ thống thiết bị nâng: Các cẩu nâng đối áp, các cẩu nâng người phục vụ lắp đặt và bảo dưỡng thiết bị, các tời hơi, các cẩu dầm, các Pa-lang xích. ✓Hệ thống dịch chuyển tháp khoan & Sàn rải ống: Các xi lanh thủy lực, đường ray, trạm bơm, trạm điều khiển+cụm van điều tiết ✓ Hệ thống nâng hạ giàn và chốt chân giàn: Các thanh răng, hộp bánh răng, hệ thống chốt chân giàn + trạm bơm thủy lực ✓ Hệ thống thiết bị áp lực: Các bình khí nén phục vụ thiết bị khoan, các bình ac-qui thủy lực, hệ thống khí nén cho thiết bị khoan, hệ thống khí nén cho vận chuyển bột xi măng, sét, barite, bình tách dầu khí. ✓Hệ thống làm mát cho thiết bị: Các bộ trao đổi nhiệt, đường ống, van chặn. ✓Các dụng cụ, thiết bị cầm tay: Khóa vặn ốc, máy khoan, máy mài, bơm, kích thủy lực, máy ép đầu cốt ống thủy lực, máy rửa sàn áp lực cao, bộ cờ-lê, búa tạ…	PCCC&CNCH cấp	

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

STT	Loại thợ	Công việc cần thực hiện	Yêu cầu về bằng cấp, chứng chỉ	Yêu cầu về kinh nghiệm, thực hành
		✓Các thiết bị gia công cắt gọt kim loại: Máy tiện, máy khoan, máy mài, máy ép thủy lực. ✓ Hệ thống quạt thông gió hầm dung dịch, hệ thống quạt thông gió các gian máy bơm khoan, các gian kho hóa phẩm, các kho phụ tùng thiết bị nặng… ✓Tham gia vào công việc vận hành thiết bị khoan:Vận hành máy bơm khoan, vận hành các thiết bị nâng, các thiết bị áp lực và phụ trợ cho công việc thả ống chống giếng khoan, trong lắp ráp và lắp đặt đầu giếng khoan và cây thông khai thác, dịch chuyển tháp khoan, sàn cantilever, hệ thống chốt chân giàn. ✓ Tham gia công tác chuẩn bị cho di chuyển giàn: Chằng buộc thiết bị trong các gian máy, kho tàng, tham gia bôi mỡ, tháo lắp hệ thống rửa chân đế, hút nước chân đế, để chuẩn bị cho việc di chuyển và đưa giàn khoan tự nâng đến vị trí làm việc. ✓Hỗ trợ các công việc khác theo phân công của chuyên viên/kỹ sư cơ khí hoặc giàn trưởng.		
3.	***Thợ điện***	✓Bảo quản tất cả các thiết bị điện trên GKTN và các phương tiện liên lạc nội bộ. ✓Thực hiện việc bảo dưỡng các thiết bị điện, và duy trì trạng thái hoàn hảo của các thiết bị điện. ✓Kịp thời tiến hành các công việc sửa chữa các thiết bị điện theo yêu cầu. ✓Thợ điện chỉ được phép tiến hành việc đóng mở các trang thiết bị	✓ Phải có bằng/ chứng chỉ nghề Thợ điện có thời gian đào tạo tối thiểu 6 tháng và được cấp bởi các cơ sở có chức năng đào tạo.	✓ Tối thiểu 06 tháng kinh nghiệm làm thợ Điện trên các giàn khoan.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

STT	Loại thợ	Công việc cần thực hiện	Yêu cầu về bằng cấp, chứng chỉ	Yêu cầu về kinh nghiệm, thực hành
		đóng cắt theo sự chỉ đạo của chuyên viên điện/kỹ sư điện. Thợ điện được phép đóng cắt thiết bị điện trong các trường hợp sự cố mà khi chậm trễ có thể dẫn đến nguy hiểm cho con người hay thiết bị. ✓Dưới sự chỉ đạo của chuyên viên và kỹ sư điện tiến hành việc kiểm tra, theo dõi tình trạng làm việc của các thiết bị điện trên GKTN. ✓Tuân thủ theo các quy tắc an toàn, các quy trình hướng dẫn bảo dưỡng sửa chữa khi tiến hành các công việc sửa chữa, bảo dưỡng và các công việc khác đối với các thiết bị điện trên GKTN. ✓Khi thực hiện việc kiểm tra và xem xét các thiết bị điện tại các vị trí sản xuất, cần phải tuân thủ theo các quy tắc chế độ làm việc, tình trạng và độ hoàn hảo của các thiết bị điện, đảm bảo vệ sinh tại vị trí và khu vực, tình trạng các trang thiết bị bảo vệ và phòng cháy chữa cháy. ✓Nắm rõ các tín hiệu báo động, và phương thức thực hiện. ✓Trong ca trực phải đảm bảo vệ sinh, trật tự, ngăn nắp tại khu vực làm việc, không để mất các trang thiết bị, dụng cụ.	✓ Có chứng chỉ huấn luyện PCCC do Công an PCCC&CNCH cấp	
4.	***Thợ móc cáp treo hàng***	✓Dưới sự chỉ đạo của thuyền trưởng/chuyên viên an toàn biển/thuỷ thủ trưởng: ✓Chuẩn bị các thiết bị cần thiết, phù hợp cho việc cẩu, chuyển hàng hóa; ✓Hiểu công việc móc cáp, biết cách chuẩn bị dây cáp, cáp-lưới và các nút buộc của tất cả các loại cáp và dây thừng, sơn màu đúng quy định; ✓Biết vị trí lưu giữ công cụ tìm kiếm - cứu sinh và thiết bị chữa cháy (phải am hiểu và biết cách sử dụng chúng). Có kỹ năng làm việc với các	✓ Phải có bằng/ chứng chỉ nghề Thợ móc cáp treo hàng có thời gian đào tạo tối thiểu 3 tháng và được cấp bởi các cơ sở có chức năng đào tạo. ✓ Có chứng chỉ	✓ Tối thiểu 06 tháng kinh nghiệm làm thợ Móc cáp treo hàng.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

STT	Loại thợ	Công việc cần thực hiện	Yêu cầu về bằng cấp, chứng chỉ	Yêu cầu về kinh nghiệm, thực hành
		thiết bị neo buộc; ✓Kiểm tra, sắp xếp hàng hóa phù hợp để sẵn sàng cho việc di chuyển hàng hóa; ✓Kiểm tra dọn dẹp mặt bằng, vật cản, trước khi khi thực hiện việc cẩu hàng; ✓Ra tín hiệu bằng tay, hoặc qua tín hiệu bộ đàm cho thợ lái cẩu, để điều hướng việc cẩu hàng hóa đến vị trí cần thiết; ✓Bảo đảm việc nâng, hạ hàng hóa theo đúng quy định về an toàn; ✓Quét dọn, rửa sàn, vách ngăn, kết cấu. Dọn dẹp, phân loại chất thải theo đúng quy định. Hỗ trợ bảo trì các khu vực trong và ngoài giàn khoan; ✓Hỗ trợ việc gia công dung dịch khoan, làm vệ sinh bồn, bể theo yêu cầu; ✓Vận chuyển hàng hóa từ trực thăng; Đảm bảo an toàn khi máy bay đáp-cất cánh; ✓Đảm bảo việc chuyển đi-nhận lên hành khách từ tàu, chuẩn bị sẵn sàng rọ cẩu người; Thực hiện các công việc neo buộc-tháo neo buộc cho các tàu; kiểm tra neo buộc; ✓Hỗ trợ các công việc khác theo phân công của thuyền trưởng, thủy thủ trưởng hoặc đốc công khoan.	còn hạn HLO/HDA ✓ Có chứng chỉ huấn luyện PCCC do Công an PCCC&CNCH cấp	
5.	***Thợ chống ăn mòn kim***	✓Làm sạch, loại bỏ vết sơn cũ, rỉ sét, bùn đất…trên các bề mặt, thiết bị trên giàn theo chỉ định.	✓ Phải có bằng/chứng chỉ Thợ	✓ Tối thiểu 06 tháng kinh nghiệm làm thợ chống ăn

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

STT	Loại thợ	Công việc cần thực hiện	Yêu cầu về bằng cấp, chứng chỉ	Yêu cầu về kinh nghiệm, thực hành
	loại	✓Pha trộn dung dịch sơn theo đúng yêu cầu. ✓Sơn các bề mặt đã làm sạch theo đúng quy trình. ✓Quét dọn, rửa sàn, vách ngăn, kết cấu. Hỗ trợ bảo trì các khu vực trong và ngoài giàn khoan. ✓Hỗ trợ bốc dỡ hàng hóa từ tàu lên giàn, hoặc từ giàn xuống tàu. ✓Hỗ trợ các công việc khác theo phân công của thuyền trưởng, thủy thủ trưởng hoặc giàn trưởng.	chống ăn mòn kim loại có thời gian đào tạo tối thiểu 3 tháng và được cấp bởi các cơ sở có chức năng đào tạo. ✓ Có chứng chỉ huấn luyện PCCC do Công an PCCC&CNCH cấp	mòn kim loại.
6.	***Thợ cơ khí onshore(Thợ nguội sửa chữa)***	✓Bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị khóa rút thủy lực, các khóa thủy lực vặn ống chống, NKT, trạm bơm cho khóa thủy lực, khóa hơi vặn cần. ✓Bảo dưỡng, sửa chữa các dụng cụ, thiết bị cầm tay: Khóa vặn ốc, máy khoan, máy mài, bơm thủy lực, kích thủy lực, máy ép đầu cốt ống thủy lực, máy rửa sàn áp lực cao … ✓Hỗ trợ các công việc khác theo phân công của kỹ sư cơ khí hoặc đốc công xưởng.	✓ Phải có bằng/chứng chỉ Thợ nguội (Thợ cơ khí) có thời gian đào tạo tối thiểu 6 tháng và được cấp bởi các cơ sở có chức năng đào tạo.	✓ Tối thiểu 06 tháng kinh nghiệm làm thợ cơ khí (Thợ nguội) trên công trình biển.
7.	***Thợ bảo dưỡng cần khoan, ống chống***	✓Chuẩn bị các thiết bị cần thiết, sắp xếp cần khoan, ống chống phù hợp để sẵn sàng cho việc kiểm tra, bảo dưỡng; ✓Kiểm tra dọn dẹp mặt bằng, vật cản, trước khi khi thực hiện việc kiểm tra;	✓ Phải có băng/chứng chỉ Thợ nguội (Thợ cơ khí) có thời gian đào tạo	✓ Tối thiểu 06 tháng kinh nghiệm làm thợ cơ khí (Thợ nguội).

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

STT	Loại thợ	Công việc cần thực hiện	Yêu cầu về bằng cấp, chứng chỉ	Yêu cầu về kinh nghiệm, thực hành
		✓Bảo dưỡng cần khoan, ống chống; ✓Tuân thủ hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật để nhận biết tình trạng kỹ thuật bề mặt của cần khoan, ống chống; ✓Hỗ trợ móc cáp treo hàng; ✓Hỗ trợ các công việc khác theo phân công của xưởng trưởng, xưởng phó hoặc đốc công khoan.	tối thiểu 6 tháng và được cấp bởi các cơ sở có chức năng đào tạo. ✓ Có chứng chỉ nghề Thợ móc cáp treo hàng có thời gian đào tạo tối thiểu 3 tháng và được cấp bởi các cơ sở có chức năng đào tạo.	
8.	***Thợ hàn điện, hàn hơi (thợ hàn điện, hơi)***	✓Vận hành và điều khiển thành thạo các loại thiết bị hàn cắt hiện có trong xưởng; ✓ Biết phân biệt các vùng tại nơi làm việc ✓Đọc hiểu thành thạo bản vẽ kết cấu thông dụng; ✓Chế tạo thành thạo các chủng loại sản phẩm mà xưởng có đủ các điệu kiện về phương tiện; ✓Hàn dụng cụ sự cố, ống Mudline D762,…; ✓Hàn cắt, sửa chữa các dụng cụ sự cố phục vụ cứu chữa giếng khoan; ✓Hàn cắt các dụng cụ khác phù hợp với nhu cầu của Xí nghiệp; ✓Sử dụng thành thạo các công cụ hàn, đồ gá, máy mài, máy cắt; ✓Sử dụng thành thạo các phương tiện đo phù hợp với yêu cầu công	✓ Phải có bằng/ chứng chỉ nghề Thợ hàn điện, hàn hơi (hàn điện hơi) có thời gian đào tạo tối thiểu 6 tháng và được cấp bởi các cơ sở có chức năng đào tạo. ✓ Có chứng chỉ huấn luyện PCCC do Công an PCCC&CNCH cấp	✓ Tối thiểu 01 năm kinh nghiệm làm thợ Thợ hàn điện, hàn hơi điện - hơi.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

STT	Loại thợ	Công việc cần thực hiện	Yêu cầu về bằng cấp, chứng chỉ	Yêu cầu về kinh nghiệm, thực hành
		việc; ✓Sử dụng thành thạo máy mài, dụng cụ cầm tay; ✓Sử dụng thành thạo công cụ đồ gá phục vụ chế tạo sản phẩm; ✓Chế tạo tool đồ gá phục vụ hàn cắt các sản phẩm; ✓Tính toán và thiết lập quy trình công nghệ hàn cắt sản phẩm; ✓Sử dụng thành thạo các thiết bị nâng cấp trong nhà kho; ✓Sử dụng thành thạo và hiểu biết về các công cụ treo buộc hàng; ✓Sử dụng thành thạo các phương tiện chữa cháy trang bị trong nhà kho; ✓Hiểu và sử dụng để tận dụng các trang điện được trang bị phù hợp; ✓Hiểu và sử dụng các thiết bị chịu lực, tín hiệu báo cháy; ✓Biết sơ cứu khi có tai nạn; ✓Hiểu và thực hiện đúng về trang bị bảo hộ lao động các qui định về vệ sinh công nghiệp, vệ sinh lao động và an toàn lao động tại nơi làm việc; ✓Thực hiện các công việc khác do lãnh đạo giao.		
9.	***Thợ lái cẩu***	✓ Hiểu rõ về sự ảnh hưởng của thời tiết, sóng biển trong quá trình nâng hạ ngoài khơi. ✓ Nhiệm vụ chính của Thợ lái cẩu là làm việc an toàn với cẩu trên GKTN nhằm kịp thời cung cấp liên tục các thiết bị vật tư phục vụ cho công tác khoan và các công việc phụ trợ, duy trì tình trạng kỹ thuật không hỏng hóc của cẩu ; thực hiện các quy tắc an toàn,an toàn PCCC,	✓ Phải có các chứng chỉ về vận hành cẩu trên biển do cơ quan có thẩm quyền cấp, bao gồm các chứng chỉ	✓ Kỹ năng lái cẩu tại công trình biển cần có sự tích lũy kinh nghiệm thực tế qua thời gian. Yêu cầu ít nhất 2 năm kinh nghiệm trong việc vận hành cẩu trên các công trình ngoài

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

STT	Loại thợ	Công việc cần thực hiện	Yêu cầu về bằng cấp, chứng chỉ	Yêu cầu về kinh nghiệm, thực hành
		an toàn lao động và bảo vệ môi trường, tuân thủ các kỷ luật an toàn lao động và sản xuất. ✓ Nhiệm vụ chính của Thợ lái cẩu bao gồm các trách nhiệm sau: ✓ + Hiểu rõ đặc tính của cẩu và đảm bảo điều kiện kỹ thuật của thiết bị cẩu hoạt động tốt, liên tục ✓ + Ghi chép nhật ký làm việc hàng ngày của cẩu ✓ + Nắm rõ công việc bảo dưỡng các thiết bị của cẩu ✓ + Báo cáo tất cả những thiếu sót quan sát được của cẩu cho Thuyền trưởng, Kỹ sư hàng hải và kỹ sư Động lực biết để có biện pháp sử lý ✓ + Kết hợp cùng Thuyền trưởng và Chánh cơ khí tiến hành kiểm tra cẩu, cáp cẩu, tời và cần cẩu. Kết quả kiểm tra ghi vào sổ. ✓ + Ghi chép vào sổ các khuyết tật của thiết bị cẩu. ✓ + Tham gia công việc chuẩn bị hạng mục và trình thiết bị cẩu để Đăng kiểm. ✓ + Trong thời gian dịch giàn, sửa chữa và dừng khoan, ngoài công việc của mình theo trách nhiệm, thợ lái cẩu phải thực hiện trách nhiệm của thuỷ thủ theo chứng chỉ chuyên môn mà thợ lái cẩu có.	về an toàn vệ sinh lao lao động nhóm 3, chứng chỉ phòng cháy chữa cháy, chứng chỉ bosiet còn hạn, có hợp đồng lao động và giấy khám sức khỏe đủ sức khỏe làm việc còn hạn. Thợ Lái cẩu (sau khi kiểm tra đủ hồ sơ) phải được kiểm tra về trình độ chuyên môn tại phòng/ban chuyên môn của xí nghiệp khoan và sửa giếng Có chứng chỉ huấn luyện PCCC do Công an PCCC&CNCH cấp	khơi. Thợ lái cẩu biển cần có kinh nghiệm thực tế về vận hành cẩu trong môi trường biển, xử lý các tình huống bất ngờ như sóng lớn hoặc gió mạnh ✓ Nắm rõ các nguyên lý hoạt động của cẩu biển, cơ chế nâng hạ, tải trọng tối đa, và cách kiểm tra, bảo trì thiết bị. Thợ lái cẩu biển cần nắm vững cách vận hành các loại cẩu khác nhau, đặc biệt các loại cẩu dùng cho ngoài khơi. Thợ lái cẩu phải có kiến thức về bảo dưỡng thiết bị để đảm bảo máy móc luôn trong tình trạng hoạt động tốt. ✓ Có kỹ năng điều khiển cẩu biển một cách thành thạo, đảm bảo sự an toàn cho hàng hóa, thiết bị, và con người trong quá trình vận hành

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

STT	Loại thợ	Công việc cần thực hiện	Yêu cầu về bằng cấp, chứng chỉ	Yêu cầu về kinh nghiệm, thực hành
				✓ Am hiểu các quy định pháp luật liên quan đến an toàn hàng hải, vận hành cẩu trong môi trường biển và các yêu cầu môi trường. Thợ lái cẩu biển thường làm việc trong điều kiện khắc nghiệt và cần có khả năng xử lý tình huống khẩn cấp hoặc bất ngờ. Môi trường làm việc trên biển có thể rất khắc nghiệt với thời tiết thay đổi nhanh chóng và điều kiện sóng gió. Thợ lái cẩu biển phải có khả năng giữ bình tĩnh và đưa ra quyết định đúng đắn trong những tình huống khẩn cấp

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

4. Trách nhiệm của Nhà thầu:

4.1. Cung cấp nhân lực dịch vụ và thực hiện theo đúng yêu cầu kỹ thuật và tiến độ công việc.

4.2. Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày nhận thông báo chính thức của XNK&SG (dự kiến từ ngày 01/08/2025 đến hết ngày 31/07/2026).

4.3.Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu không có yêu cầu khác hoặc không có sự đồng ý của VSP/ XNK&SG bằng văn bản, Nhà thầu không được tự ý thay đổi nhân sự.

4.4. Có trách nhiệm bảo mật tất cả các thông tin, tài liệu của dự án.

4.5. Cung cấp đầy đủ danh sách cùng hồ sơ nhân sự tham gia dịch vụ theo quy định.

4.6. Trước khi gửi người đến công trình của VSP, Nhà thầu phải hướng dẫn cho nhân sự các nội quy, quy định của Nhà thầu và của LD " Vietsovpetro" có ký xác nhận bằng văn bản của người được hướng dẫn. Phải đảm bảo có các trang bị và phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho nhân sự dịch vụ theo quy định.

4.7 Cử nhân sự đến trình diện để kiểm tra kiến thức chuyên môn và an toàn khi nhận được công văn thông báo. Nhân sự vượt qua bước đánh giá chuyên môn và an toàn (được xác định trên cơ sở báo cáo đã được Lãnh đạo XNK&SG phê duyệt) mới được cử ra các CTB hoặc đến các khu vực sản xuất của XNK&SG để làm việc.

4.8 Nhân sự nhà thầu khi tham gia dịch vụ nhân công, nhân sự nhà thầu phải được khám sức khỏe theo gói khám sức khỏe tiêu chuẩn của Vietsovpetro tại trung tâm y tế Vietsovpetro.

4.9. Cung cấp thông tin, phối hợp đoàn điều tra lao động tại nạn đối với nhân sự dịch vụ của Nhà thầu theo quy định.

5. Trách nhiệm của XN Khoan và Sửa giếng

5.1. Cử người có trách nhiệm tham gia cùng Nhà thầu trong quá trình cung cấp nhân sự thực hiện công việc tại VSP/ XNK&SG. Cung cấp bảng kế hoạch/ nhu cầu nhân lực cần thực hiện công việc đối với từng chức danh cụ thể (theo tuần/tháng/ quý…) gửi Nhà thầu có xác nhận của Lãnh đạo Xí nghiệp. Đại diện của VSP/ XNK&SG kiểm tra, ký xác nhận số lượng nhân sự, thời gian điều động (bao gồm ký xác nhận giấy đăng ký bay ra các công trình biển và ngược lại…) và bảng chấm công phù hợp với danh sách nhân sự của nhà thầu đã được Lãnh đạo XN phê duyệt.

5.2. Cấp «Sổ chứng nhận huấn luyện và kiểm tra kiến thức an toàn» cho nhân sự tham gia thực hiện hợp đồng.

5.3. Tiến hành kiểm tra kiến thức chuyên môn, an toàn theo ngành nghề dịch vụ đảm nhiệm và hướng dẫn an toàn tại nơi làm việc…tương ứng với các chức danh của VSP được quy định trong VSP-000-ATMT-460.

5.5. Thực hiện các quy định của khoản 2, điều 65, Luật |ATVSLĐ và điều 32 Nghị định 39/2016/NĐ-CP đối với các nhân sự của Nhà thầu: thông báo, phổ biến, hướng dẫn cho nhân sự Nhà thầu nội quy, các yếu tố có hại và các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

tại nơi làm việc. Kịp thời sơ cấp cứu khi xảy ra TNLĐ, sự cố kỹ thuật. Phối hợp cùng Nhà thầu thành lập đoàn điều tra lao động cấp cơ sở đối với các tại nạn thuộc thẩm quyền theo quy định.

5.6. Cùng phối hợp giải quyết những vướng mắc, vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện dịch vụ.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

PHỤ LỤC 02

Hợp đồng số:___/25-KB1/___

V/v: Cung cấp dịch vụ nhân công cho công tác thi công giếng khoan Lô 09-1

MẪU DANH SÁCH NHÂN SỰ THỰC HIỆN DỊCH VỤ THÁNG ___/202__

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Số CCCD	Chứng chỉ	Chức danh huy động	Địa điểm làm việc
1						
2						
3						
...						

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

PHỤ LỤC 03

Hợp đồng số:___/25-KB1/___

V/v: Cung cấp dịch vụ nhân công cho công tác thi công giếng khoan Lô 09-1

MẪU BẢNG CHẤM CÔNG

Phê duyệt
Giám đốc Bên B

BẢNG CHẤM CÔNG THÁNG…..NĂM…….

STT	Họ và tên	Chức danh	Địa điểm	1	2	3	4	5	6	….	28	29	30	31	Tổng số công	Ghi chú
				Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	…..	Sun	Mon	Tue	Wed		
1	Nguyễn Văn A				X											
2	….								X							
3	….											X				

Xác nhận Bên A (P.TCNS – XNK&SG) **Đại diện Bên B**
Kiểm tra Phòng TCNS

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

PHỤ LỤC 04

Hợp đồng số:___/25-KB1/___

V/v: Cung cấp dịch vụ nhân công cho công tác thi công giếng khoan Lô 09-1

MẪU BIÊN BẢN QUYẾT TOÁN DỊCH VỤ THÁNG ___ NĂM 2025

- Căn cứ Hợp đồng số ____ngày __/__/202__ v/v _____ giữa _____ và _____;
- Căn cứ Bảng chấm công thực tế tháng __/202__ đã được xác nhận bởi đại diện của hai Bên;

Hôm nay, ngày tháng năm 202 , hai Bên gồm:

BÊN A: **LIÊN DOANH VIỆT - NGA VIETSOVPETRO – XÍ NGHIỆP KHOAN VÀ SỬA GIẾNG**

Địa chỉ: 105 Lê Lợi, phường Thắng Nhì, Thành phố Vũng Tàu.

Điện thoại: 0254 3839871 Fax: 0254 3584 831

Tài khoản: 008. 100.000001.1 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương, CN Vũng Tàu

Mã số thuế: 3500102414

Do ông: **NGUYỄN VĂN XÁ**

Chức vụ: **Giám đốc XN Khoan và SG làm đại diện** theo Giấy ủy quyền số 157/UQ-PL ngày 06/06/2025 của Tổng Giám đốc Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro.

BÊN B:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Do ông:

Chức vụ:

Hai bên xác nhận giá trị quyết toán ngày công thực hiện dịch vụ tháng __ năm 202__. Cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Đơn giá	Ngày công	Thành tiền
1				
2				
3				
Tổng giá trị dịch vụ (chưa bao gồm thuế GTGT)				
Thuế GTGT 10%				
Tổng giá trị dịch vụ (bao gồm thuế GTGT)				

1. Giá trị thực hiện thực tế tháng __ năm 202__: _____đồng (Bằng chữ: _____)

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

2. Giá trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí và tiền thuế GTGT để Bên B thực hiện nghĩa vụ của mình quy định trong Hợp đồng.
3. Bên A sẽ thanh toán bằng chuyển khoản cho Bên B số tiền _____trong vòng __ ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ bộ hồ sơ htnah toán hợp lệ của Bên B theo đúng quy định của Hợp đồng.
4. Biên bản này được lập thành……bản có giá trị pháp ly như nhau, Bên A giữ …..bản, Bên B giữ….bản để làm cơ sở thực hiện. Mọi ý kiến trái với Biên bản này đều không có giá trị thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

PHỤ LỤC 05

Hợp đồng số:___/25-KB1/___

V/v: Cung cấp dịch vụ nhân công cho công tác thi công giếng khoan Lô 09-1

MẪU BIÊN BẢN QUYẾT TOÁN VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Căn cứ :

- Hợp đồng số _____ ký ngày __/__/202__ giữa Liên doanh Việt-Nga VIETSOVPETRO và Công ty _____;
- Biên bản quyết toán dịch vụ hàng tháng.

Hôm nay, ngày tháng năm 202__, chúng tôi gồm:

BÊN A: **LIÊN DOANH VIỆT - NGA VIETSOVPETRO – XÍ NGHIỆP KHOAN VÀ SỬA GIẾNG**

Địa chỉ: 105 Lê Lợi, phường Thắng Nhì, Thành phố Vũng Tàu.

Điện thoại: 0254 3839871 Fax: 0254 3584 831

Tài khoản: 008. 100.000001.1 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương, CN Vũng Tàu

Mã số thuế: 3500102414

Do ông: **NGUYỄN VĂN XÁ**

Chức vụ: **Giám đốc XN Khoan và SG làm đại diện** theo Giấy ủy quyền số 157/UQ-PL ngày 06/06/2025 của Tổng Giám đốc Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro.

BÊN B:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Do ông:

Chức vụ:

Hai bên đã thống nhất lập Biên bản quyết toán và thanh lý Hợp đồng số _____ ký ngày _____ với những nội dung sau:

1. Thời hạn thực hiện công việc:

1.1 Thời hạn thực hiện công việc theo hợp đồng:

1.2 Thời hạn thực hiện công việc theo thực tế:

1.3 Thời gian chậm (Nếu có và giải thích lý do):

2. Chất lượng công việc dịch vụ:

Căn cứ vào Biên bản quyết toán dịch vụ hàng tháng, nhà thầu ..... đã hoàn thành dịch vụ theo đúng yêu cầu chất lượng quy định trong Hợp đồng.

3. Giá trị công việc theo hợp đồng:..... Đồng (đã bao gồm VAT)

Trong đó :

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

- Giá trị dịch vụ:..... Đồng;

- Thuế VAT 10%: ..... Đồng;

4. Giá trị công việc theo thực tế: ..... Đồng (đã bao gồm VAT)

Trong đó :

- Giá trị dịch vụ:..... Đồng;

- Thuế VAT 10%:..... Đồng;

5. Chênh lệch quyết toán với hợp đồng: ..... Đồng (đã bao gồm VAT)

6. Phạt hợp đồng:

Phạt do vi phạm HĐ *(nếu có)*

7. Thanh toán:

Lần 1: .....

Lần 2: .....

Giá trị thực tế bên A còn phải thanh toán cho bên B sau khi trừ giá trị phạt: (=4-6-7)

Biên bản được lập thành …..bản có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ ….. bản, Bên B giữ ….. bản để làm thủ tục thanh toán.

Đính kèm:

-Biên bản quyết toán hợp đồng: .....trang
-Các tài liệu khác (nếu có)

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

PHỤ LỤC 06
MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

…., ngày…tháng…năm…

THƯ BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Kính gửi: ……

Liên quan tới Hợp đồng _____ về việc _____ (sau đây được gọi là "Hợp đồng") được ký giữa _____ (sau đây gọi là "BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH") và _____(sau đây gọi là "BÊN THỤ HƯỞNG"), chúng tôi, _____có trụ sở chính tại ____ (sau đây gọi là "BÊN BẢO LÃNH") phát hành Thư bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện cho bên thụ hưởng với số tiền là _____ (Bằng chữ: _____) (sau đây gọi là "THƯ BẢO LÃNH").

THƯ BẢO LÃNH này có hiệu lực kể từ ngày phát hành và sẽ duy trì hiệu lực cho đến _____sau đây gọi là "Ngày hết hiệu lực". Đối với bất cứ sự gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng Hợp đồng vượt quá thời gian được quy định trong THƯ BẢO LÃNH này, BÊN THỤ HƯỞNG sẽ không cần phải thông báo hoặc được sự đồng thuận của BÊN BẢO LÃNH. THƯ BẢO LÃNH này sẽ được gia hạn dựa trên yêu cầu bằng văn bản từ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH để đảm bảo cho thời gian gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng của Hợp đồng.

BÊN BẢO LÃNH cam kết không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán ngay cho BÊN THỤ HƯỞNG một khoản tiền hay những khoản tiền, theo chỉ thị của BÊN THỤ HƯỞNG, tổng không vượt quá số tiền bảo lãnh nêu trên trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của BÊN THỤ HƯỞNG ghi rõ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH đã vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Sau Ngày hết hiệu lực, THƯ BẢO LÃNH này sẽ tự động không còn giá trị cho dù bản gốc THƯ BẢO LÃNH và các Thư sửa đổi liên quan (nếu có) có được gửi trả lại BÊN BẢO LÃNH hay không.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi BÊN BẢO LÃNH cho BÊN THỤ HƯỞNG cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH hoặc của BÊN BẢO LÃNH hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH và BÊN THỤ HƯỞNG về hoặc liên quan tới Hợp đồng hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

BÊN BẢO LÃNH hoặc BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH sẽ không được giải trừ bất cứ nghĩa vụ nào theo THƯ BẢO LÃNH này cho dù có bất cứ sự sửa đổi, thay đổi, thanh toán sai lệch, gia hạn nào liên quan tới Hợp đồng hay bất kỳ sự trì hoãn ân hạn nào của BÊN THỤ HƯỞNG trong hoặc liên quan đến bất cứ vấn đề gì của Hợp đồng.

Việc đòi tiền nhiều lần theo bảo lãnh này là được phép và theo đó, Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ tự động giảm tương ứng với số tiền mà Ngân hàng đã thực hiện thanh toán cho Bên thụ hưởng theo Thư bảo lãnh.

Thư bảo lãnh được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Thư bảo lãnh sẽ [do Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

Nam giải quyết theo quy định của pháp luật] / [sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC].

THƯ BẢO LÃNH này được phát hành duy nhất 01 (một) bản tiếng Việt và không được phép chuyển nhượng.

NGÂN HÀNG BẢO LÃNH
(Ký tên và đóng dấu)

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN

PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

Chương này bao gồm các tài liệu **(bản scan đính kèm HSMT)**

- Phạm vi cung cấp.
- Yêu cầu kỹ thuật và 04 Phụ lục kèm theo Yêu cầu kỹ thuật, bao gồm:
  - ✓ Phụ lục 1: Bảng tổng hợp nhu cầu nhân lực cho công tác thi công giếng khoan.
  - ✓ Phụ lục 2: Kế hoạch huy động nhân lực cho công tác thi công giếng khoan.
  - ✓ Phụ lục 3: Bảng đề xuất số lượng nhân lực của nhà thầu.
  - ✓ Phụ lục 4: Bảo hộ lao động cho từng nhóm thợ.
- Tiêu chí đánh giá kỹ thuật.
- Các tài liệu kỹ thuật khác + đường dẫn (link) để tham chiếu (nếu có).

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.vietsov.com.vn với số định danh: 102/25-CV-TMDV/KHOAN